

## Lễ Đạo và Tiến Hóa – Phần Mở Đầu

### Phần Mở Đầu – Chương 3

**Hiện Tượng – Bản Chất – Bản chất con người**

**Hành trình viên dung bản chất**

**Các khoa Sinh kỹ thuật học và Bản chất con người**

**Sự cáo chung lao động – Vấn đề Toàn cầu hóa và nền**

**Kinh tế Mạng**

**Nhân quyền – Nhân phẩm – Dân trí**

#### I- ‘Hiện Tượng – Bản Chất’, ‘Hiện Thể – Tính Thể’ :

Hai cặp phạm trù ‘Hiện Tượng – Bản chất’, ‘Hiện Thể – Tính Thể’ luôn là vấn đề của Triết học trước nay.

**Hiện Tượng**, như đã nói là những biểu hiện (manifestation) của vật thể, hiện thể, của một dạng tồn tại ra bên ngoài do tương tác của vạn pháp được con người tiếp nhận trực tiếp qua các giác quan hoặc gián tiếp qua ý thức và trở thành đối tượng cho các môn Khoa học thực nghiệm. **Mỗi hiện tượng là một dạng Hiện hữu của vật thể, của hiện thể, của dạng Tồn tại, nói chung là của một Không gian nào đó ‘ở đây và bây giờ’ (ici et maintenant) qua quá trình thời gian.**

**Hiện Thể** là ‘có đấy, có mặt trong thế giới’, trong tư cách là là ‘Hữu-Tại-Thể’. Hiện Thể cũng là Vật Thể nhưng dùng chỉ con người. Tiếng Pháp là ‘étant’, (hiện tại phân từ (participe présent) của động từ être). Être có nghĩa là Sống, là Hiện hữu, là Có mặt. Hiện Thể, đôi người còn gọi

là **Existant**, (hiện tại phân từ của động từ Exister) có nghĩa là **Tồn Tại**.

**Bản Chất**, theo Tự Điển Hán Việt Nguyễn Văn Khôn, là *'chất gốc, chất đặc biệt vốn có, không thể thiếu được trong sự vật'*. Bản Chất, trong Triết Học phương Tây được gọi qua nhiều từ: *être, noumène, substance, essence, entité. eidos, nature*. tiếng Việt Nam là *'thực thể, bản thể, tự thể, tự tánh, pháp tánh, thực tướng, chân tướng'*; theo từ ngữ Phật giáo, Bản chất có thể đồng nghĩa với từ *'bổn lai diện mục'* của sự vật, của mỗi chúng sanh, của mỗi pháp, có thể đồng nghĩa với từ *'Tính thể'* trong Triết học (1).

Hiểu một cách giản dị, **Bản Chất** hay **Bản Thể**, **Tính Thể** một sự vật là cái gì chính nó, tự thân nó, vốn có, vốn tự hữu nơi nó. Đây là cái phần Tự Nội thâm sâu, tiềm ẩn nơi sự vật, không thể nhìn thấy, không thể nhận biết được bằng giác quan, bằng một khí cụ nào, cả bằng lý trí suy luận. Bản chất, trên đại cương, hầu như tất cả đều đồng quan điểm rằng *'bản chất độc lập với hiện tượng, độc lập với cái hữu hình, độc lập với ý thức con người'*. Do bản chất mà có hiện tượng nhưng không có hiện tượng thì bản chất vẫn có đấy vì nó là cái phần tự nội không lộ liễu của sự vật nhưng chưa được thể hiện ra bên ngoài. Qua những định nghĩa và quan điểm triết học trước nay, ta có thể hiểu bản chất hay bản thể, tính thể của sự vật là yếu tố uyên nguyên tự hữu, nội tại của sự vật ngay từ lúc sự vật được cấu tạo và tồn tại suốt diễn trình tồn tại của nó. Như thế, liệu mỗi dạng Tồn Tại tức mỗi vật thể, hiện thể đều có một Bản Chất của riêng nó chăng ?

Để tránh dông dài, xin mượn lời nhà họa sĩ trả lời cho một khách đến xem tranh : *"Tôi không vẽ con chim đang bay; tôi vẽ cái bay của con chim"* (đã trích dẫn nơi Chương 'Sáng Tạo', đoạn 'Sao gọi là Nghệ Thuật') . Theo câu đó, *'cái Bay của con chim'* là Bản chất của loài chim, trong lúc *'con chim đang bay'* là cách thể thể hiện bản chất (cái Bay) của chim ra hiện thực. Mỗi con chim có cách bay của nó (chim sẻ, chim bồ câu,...bay khác với chim ưng, chim ó). Nhưng 'cái bay' có thật là bản chất của loài chim không? Như thế, liệu mỗi vật thể riêng biệt hay mọi vật thể cùng loại đều có một bản chất riêng của nó hay của chủng loại nó sao? Chẳng hạn, loài cá có bản chất của loài cá, loài thú vật, cua ốc có bản chất của thú vật, của cua ốc chẳng? Và loài người có bản chất của con người hay sao? Thực ra, cái bay, cái lội, cái bơi chỉ là những đặc điểm riêng biệt của từng loài trong môi trường sinh hoạt riêng biệt của chúng nhưng không thể gọi là bản chất vì có loài chim không biết bay hay bay rất khó như gà, vịt, ngỗng, thiên nga,...; có loài cá biết bò trên cạn như cá sấu, có loài thú vật biết bơi, biết lặn như chó, ... Riêng con người lại có thêm những đặc điểm như một số động vật khác như biết bơi, biết lặn, biết bay do những dụng cụ chế tác như máy bay, như parapente, phi thuyền không gian,

M. Heidegger gọi bản chất của vật thể là ***'Vật Thể Tính của Vật Thể'*** (la choséité de la chose) nhưng không bảo mỗi Vật Thể có một bản chất riêng. Theo ông, tất cả mọi vật thể, mọi thứ hiện hữu trong vũ trụ này, kể cả con người, đều cùng một bản chất, đều có một bản chất chung, cái ***'bản chất nguyên nguyên'*** (la choséité originelle), chứ không phải mỗi thứ có một bản chất riêng của nó. Nếu như thế thì cả vũ trụ này, từ những

vật thể to lớn như các quần tinh, các dãy Thiên hà đến hạt bụi li ti, cây cỏ, thú vật, con người đều cùng chung một Bản chất nhưng làm sao hình dung ra được? Giới Khoa học bảo *'tất cả đều do vật chất cấu tạo nên'* nhưng mổ xẻ vật thể đến bao nhiêu – như nghiền nát một viên sỏi, viên phấn, một thanh củi đốt cháy thành than thì những bụi, những than đó cũng là vật thể chứ không là *'vật chất chính nó'* (matière en soi, matière en tant que matière).

Rốt cuộc, Bản chất, Tính thể, Bản thể của một thứ gì chỉ là khái niệm, một *'ý niệm tiên thiên'* (concept a priori), siêu hình, siêu nghiệm, do suy tưởng của con người thôi, giống như những Định đề (postulat), những Công lý (axiome) trong Toán học. (2). Như thế, Thượng Đế, Chân Không, Chân Như, Vật Chất cũng là những *'khái niệm tiên thiên'*, công nhận hay không công nhận chứ không có vấn đề lý luận, bàn cãi.

Trong vũ trụ hiện tượng, không có sự vật gì sinh thành hay xảy ra mà không do một nguyên nhân nào đó gây ra. Thuyết *'nhân duyên hòa hợp'* của Phật Giáo đã nói. Ta cũng thường nghe *'không hiệu quả nào không có nguyên nhân'* (pas d'effets sans cause). Khi bảo rằng *'Thượng Đế tự hữu', 'Vũ Trụ tự hữu'*, có nghĩa Thượng Đế, Vũ Trụ tự có, không phát sinh do một nguyên nhân nào, nhưng, theo người viết, ***từ 'Tự Hữu' đã hàm chứa một 'nguyên nhân không do từ bên ngoài' mà do từ tự thân chính nó,*** có nghĩa Thượng Đế, Vũ Trụ 'tự mình tác động mình' để sinh ra mọi thứ. Theo Phật giáo, từ 'Tự Hữu' vừa là Nhân vừa là Duyên của Thể Tính Chân Như, do đó có quan điểm 'Chân Như duyên khởi'. Điều này, nếu người viết không lầm, Kant gọi là một *'hoạt động tự động tuyệt đối'* (auto activité absolue) và M. Heidegger gọi là *'Nguyên*

*nhân tính của nguyên nhân* (causalité de la cause) (3). Cái *'causalité de la cause'* mà M.Heidegger nói đến, theo người viết, chính là cái *'tác động tự động'* của phần Sống Vô Thức vào hai phần Sống Thân xác và Ý thức nơi con người. Cái tác động đó ẩn mật, không lộ liễu, tường minh nên Ý thức ta không thể nhận diện, giải thích được. Vì, phần sống Vô Thức nơi con người là một *'pháp vô vi'*, *'vô sở trụ'* nói theo nhà Phật, không hiển lộ minh thị, do đó không là đối tượng cho Lý trí luận lý, cho Khoa học Thực nghiệm. Lý trí luận lý thường chỉ chú trọng đến thực tại, đến hiện thực có thể quan sát, phán đoán, giải thích và chứng minh được, còn phần nội tâm u mật, khoa học khó lòng chứng minh. Vì khi phán đoán, suy luận, Lý trí luôn rơi vào trạng thái *'phân ly chủ-khách'* (scission sujet-objet) , 'ta' là *'chủ thể suy tư'* (sujet pensant) , thực tại hay hiện thực trở thành *'đối tượng được suy tư'* (objet pensé). Bản chất hay Bản thể, Tính thể thuộc phạm trù *'siêu thức, siêu nghiệm'*, Đối tượng của Khoa học Thực nghiệm thường là cái *hữu hình* (le sensible), cái *Bên ngoài* (le dehors), cái *Trước mắt* (le devant), và do sự việc *'phân ly chủ khách'* đó nên Khoa học Thực nghiệm khó lòng dùng luận lý để quan sát, chứng nghiệm những cái *'bên trong'*, cái *'nội quan'*, cái *'thực tại tự thân'* (réalité en soi) vốn là những *'pháp vô vi, vô sở trụ'*. Vì thế, *'bản chất, Tính thể'* không là những vấn đề Khoa học thực nghiệm lưu ý.

Từ **Bản Chất**, nơi ngôn ngữ Việt Nam, thường được hiểu là *'cái gì bất biến, không thay đổi nơi vật thể, hiện thể nào đó'* như 'bản chất kim loại là dẫn nhiệt', 'bản chất chim chóc là 'cái bay', 'bản chất loài cá là 'cái bơi', bản chất ông A là hiền lành, chất phác, bản chất Kinh tế là

'mưu lợi nhuận', bản chất chính trị là 'mưu mô, thủ đoạn', bản chất chế độ phong kiến, cộng sản là độc tài, bản chất chế độ tư bản là bóc lột, bản chất con người là tham ái,...Thiết nghĩ những điều kể trên không là bản chất mà chỉ là một đặc điểm nào đó của mỗi vật thể, hiện thể. Những đặc điểm đó không hẳn bất biến mà nay thay mai đổi, chẳng hạn ông A đang hiền lành, chất phác bỗng trở nên gian manh, quỷ quyết chế độ phong kiến không hẳn bao giờ cũng độc tài vì có những ông vua rất nhân từ, đạo đức ; chính trị không hẳn là mưu mô, thủ đoạn nếu chủ trương đức trị ; con người không hẳn chỉ có tham ái vì bao người được gọi là hiền nhân, quân tử, thánh nhân, bồ tát ; có đôi thứ chim không biết bay hay bay rất khó như ngỗng, gà, công, lại còn biết bơi như ngỗng, vịt,... ; Cho đến nay, chưa một triết gia, một nhà thông thái nào xác nhận bản chất hay bản thể là cái gì, có thực có không, nó ra sao và liệu mỗi vật thể, mỗi hiện thể có một bản chất riêng của nó chẳng ? Người viết vốn là kẻ bình thường nhưng lại hay thắc mắc về những điều '*không đâu*' (!) này nên tìm cách giải đáp những thắc mắc đó, trước tiên cho riêng mình.

Đạo học Đông Phương bảo : '*Vạn vật đồng nhất thể*', '*Vạn hữu bản lai đồng*' và '*Tất cả trong một, một trong tất cả*' cùng '*Tất cả khởi đi từ Một để trở về trong Một*'. Theo đó, mọi thứ hiện hữu (vật thể, hiện thể) đều cùng một bản thể (đồng nhất thể), đều cùng đến từ một Thể (bản lai đồng), đều nằm trong cái Một và cái Một đó luôn có trong mọi thứ, tất cả đều do từ cái Một để rồi trở về trong cái Một đó. Cái Nhất Thể đó, cái Một đó là cái gì, nó ra sao ? Không thể miêu tả hay hình dung Nó ra thế nào. Chúng ta chỉ gán cho Nó một cái tên thôi.

Cái **Nhất Thể**, cái **Bản Lai Đồng**, cái **Một**, cái **Tất Cả** trong **Một** đó, theo người viết, chính là cái **Uyên Nguyên** sinh thành vũ trụ hiện tượng. Cái uyên nguyên đó là một Siêu Thể, một thứ '**phi hiện tượng**', **tự hữu**, **hằng hữu**, không một cách thế nào nhận chân ra được, chỉ có thể gán cho Nó một danh xưng. Ki-Tô giáo gọi là **Thượng Đế** hay **Đức Chúa Trời**; Phật giáo gọi là **Chân Không**, **Thể Tính Chân Như** hay **Bản Lai Vô Ngã**; Khổng giáo gọi là **Thiên Mệnh** hay **Tính** (thiên mệnh chi vị Tính – sách Trung Dung) còn gọi là **Thái Cực**; Lão giáo gọi là **Vô**; Bà-La-Môn giáo gọi là **Tuyệt Đối Thể** (l'absolu, qua danh xưng Brahman); Héraclite gọi là **Lửa** (le Feu, Bùi Giáng gọi là 'Lửa Hồng phơi dưng');...Khoa học gọi cái uyên nguyên đó là **Vật Chất** (matière) (4), là **Năng Lượng** (énergie) (5), Từ hậu bán thế kỷ XX, nhiều lý thuyết Khoa học nghĩ rằng cái uyên nguyên đó là một **Siêu Lực** (super force), **Siêu Sợi** (super corde), **Đị Điểm** (singularity), **Điểm Toán Học** (point mathématique), **Năng Lượng Khoảng Không** (énergie du Vide),...Tất cả những cách gọi trên chỉ là những khái niệm tiên thiên, trừu tượng, không thể diễn tả, giải thích, chứng minh được. Nhưng nếu không công nhận có một uyên nguyên làm phát sinh (hay 'sáng tạo') nên vũ trụ hiện tượng, ta sẽ thiếu một nền tảng cần thiết cho mọi suy luận về sau, '**một nền tảng không nền tảng**' (fondement sans fondement) theo M. Heidegger. Đạo học Tây Phương gọi cái uyên nguyên đó là **Être** (người viết dịch là **Đạo Thể**), M. Heidegger cho đấy là cái **Cội Nguồn** (origine) từ đó phát sinh vũ trụ hiện tượng. Cái **Nhất Thể**, cái uyên nguyên, cái **Đạo Thể** đó vốn phi hiện tượng, vốn tự hữu, hằng hữu, không do một nguyên nhân nào làm phát sinh ra nó, nói theo Liệt Tử: '*Cái đầu tiên*

*làm phát sinh mọi thứ thì không có cái gì sinh ra nó'. Nếu có một nguyên nhân nào thì, theo E. Kant, đấy là 'nguyên nhân bởi Tự do'(cause par liberté) mà người viết mạn phép đổi lại là 'tự do phát khởi nguyên nhân' (liberté causale). Từ 'Tự Do' nơi đây không nên hiểu là những thứ tự do cá nhân và xã hội nơi cõi hiện hữu mà là một thứ 'tự do tuyệt đối' vốn là cái gì riêng biệt của Đạo Thể, cái bản chất, cái tính thể của Đạo Thể. Trong cõi sống hiện tượng, giữa hai môi trường thiên nhiên và đồng loại, mỗi chúng ta luôn luôn đòi hỏi tự do, phải chăng là do thúc đẩy của cái yếu tính tự do từ căn nguyên của Đạo Thể? Hiểu như thế, Tự Do phải chăng chính là Bản chất, Bản Thể, Tính Thể của từng Vật thể, Hiện thể, của chung vũ trụ hiện tượng này ?*

**Đạo Thể** (xin dùng từ Đạo Thể thay cho các từ Thượng Đế, Chân Như,...) do yếu tính Tự Do nói trên đã tự thân tác động mình để từ 'phi hiện tượng' chuyển sang 'hiện tượng', từ Tự Hữu chuyển sang Hiện hữu, có nghĩa **Đạo Thể** đã 'tự đối tượng hóa mình', 'tự sắc tướng hóa mình', 'tự vật chất hóa mình' để phát sinh (hay sáng tạo) **Sự Sống** cho mình thể hiện qua từng dạng Hiện Hữu và từng dạng **Tồn Tại** nơi vũ trụ hiện tượng. Nói theo M. Heidegger, Cội Nguồn đã tự biểu thị qua '*sự trào vọt*' của Nó (l'Origine se montre tout d'abord dans son Jaillissement). Do đó, phát sinh Không gian (các vật thể, hiện thể nhỏ, lớn, có hình thể hay không hình thể,...) và Thời gian (do tương tác giữa các không gian). Đạo Thể tự tạo **Sự Sống** cho mình (tạm hình dung qua sự sống con người nơi thế gian chứ Đạo Thể tự nó không có sự sống như sự sống của chúng ta) để mượn qua diễn trình sinh hóa (chuỗi dài các dạng hiện hữu nối tiếp nhau) của các



dạng tồn tại để ý thức về mình và để hồi phục lại mình vì khi tạo nên mọi thứ 'hữu' (vật thể, hiện thể), Đạo Thể đã gửi một phần tính thể mình nơi mỗi thứ 'hữu' đó. Phần cư lưu của Đạo Thể nơi mỗi dạng tồn tại tức mỗi vật thể, hiện thể, được gọi là **Thánh Linh** nơi Ki-Tô giáo, với Phật giáo là **Tánh Không, Thân Phật** hay **Phật tính, Phật tâm** (bouddhité, gọi ngắn gọn là cái Tâm), người viết gọi là **phần Sống Vô Thức** (vie inconsciente) hay **phần Sống Tâm Linh** (vie spirituelle) nơi mỗi dạng tồn tại từ những quần tinh, tinh đoàn, mặt trời, trái đất, đất đá, cỏ cây, súc vật, con người đến những thứ li ti như vi tử, vi trùng,... ; tất cả đều mang chứa phần sống Vô thức nầy tức cái Thánh Linh, cái Tánh Không đó. (Điều nầy đã được nói trong các phần I và II, rõ ràng nhất nơi các chương 'Sáng Tạo' và 'Không-Sắc'). Nói như thế, người viết căn cứ nơi Đạo học qua các lời ***'Vạn vật đồng nhất Thể, vạn hữu bản lai đồng', 'Một trong tất cả'*** (nói theo tiếng Pháp là 'ce Rien qui est tout'), rõ ràng nhất nơi lời Phật : *Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật đang thành*, và *'Phật tại Tâm'*. Căn cứ vào đó, có thể bảo rằng **« Phần sống Vô thức nơi mỗi vật thể tức cái Thánh Linh, Tánh Không chính là Bản chất, Bản thể, Tính thể, Tự tánh của mọi sự vật, rõ ràng nhất nơi con người »**. Mỗi hiện tượng đều phát xuất từ bản chất, Phật giáo nói rõ điều nầy, rõ ràng nhất nơi Kinh Viên Giác, được trích dẫn nơi những phần sau khi nói đến những chủ đề Phật giáo..

Câu hỏi được nêu ra : **« Nếu Thánh Linh, Tánh Không, phần sống Vô Thức là Bản chất, Bản thể chung của tất cả mọi thứ hiện hữu, cả chung cho vũ trụ hiện tượng thì các vật thể vô cơ như đất đá, mặt trời,..., cả cỏ cây, súc vật,... cái Bản chất, Bản thể nơi những thứ đó thể hiện ra**

*sao , làm sao biết được ? Và liệu các vật thể vô cơ như đất đá, núi sông có sự sống nơi chúng không ?».*

Xin trả lời : Theo Đạo học, tất cả mọi thứ, khi đã hiện hữu đều có sự sống nơi nó, đều mang chứa cả ba cái sống : thân xác, tri thức, tâm linh. Nhưng, nơi các dạng tồn tại vô cơ, hai phần sống tri thức và tâm linh chưa có điều kiện thể hiện vì không gian, thời gian bên trong chúng hoàn toàn bị động, hoàn toàn bị tác động bởi không gian, thời gian bên ngoài nên chúng chỉ có yếu tính '*hiện bày*' (yếu tính đầu tiên của dạng hiện hữu) chứ chưa có các yếu tính '*tiếp nối, siêu việt, thăng hóa*' của dạng hiện hữu, cũng như chưa có các yêu cầu '*tự nuôi dưỡng, tự sinh sản, phát triển, biến hóa*' của dạng tồn tại. Do đó, phần sống tâm linh hay vô thức tức cái bản chất, bản thể còn trong tình trạng bất động, không hay chưa thể vận động tự thân để phát sinh ra hoạt động, ra hiện tượng. Mọi hiện tượng hay mọi dạng hiện hữu của chúng đều do tác động của bên ngoài. Một ngọn núi, một dòng sông không thể tự nó sinh ra nhiều ngọn núi, nhiều dòng sông khác, cũng không tự nó tan vỡ hay khô cạn hoặc gây nên bão lụt mà do không gian, thời gian bên ngoài tác động. Một con số, một từ ngữ cũng có sự sống của nó vì đã hiện hữu, đã hình thành do con người nhưng hai cái sống tri thức và vô thức của nó hoàn toàn do bên ngoài tức do con người gán cho. Ngay cả cái sống thân xác của nó cũng do con người (tùy từng dân tộc mà cách viết con số cũng như chữ viết khác nhau). Theo lối loại suy (jugement par analogie), cũng như Đạo Thể '*sáng tạo*' ra mọi thứ hiện hữu, con người cũng '*sáng tạo*' ra bao thứ tức tạo ra Sự Sống (sự hiện hữu) cho bao thứ (nhà cửa, đường sá, cầu cống, máy móc, xe cộ, chữ viết, con số,...), chỉ khác một điều những '*sáng tạo*' của Đạo Thể mang

tính cách *'tự sinh tự hóa'* ( do đã mang chở một năng lượng ) qua một thời gian dài ngắn nào đó, trong lúc những 'sáng tạo' của con người không mang tính cách này mà do con người trực tiếp can dự vào. Cũng theo lối loại suy đó, mọi thứ hiện hữu do tự nhiên hay do con người đều do một *'nguyên lý sáng tạo'* (principe créateur) nhưng chỉ riêng Đạo Thể mới sáng tạo vì Đạo Thể từ 'Tự Hữu' chuyển mình sang hiện hữu để tạo nên Sự Sống trong lúc con người không sáng tạo mà chỉ chế tạo, phát minh vì mọi thứ do con người tạo tác không từ hư không mà từ những gì đã 'hữu', đã có trong tự nhiên. Với những dạng tồn tại sinh vật (cây cỏ, thú vật), tính cách *'tự sinh, tự hóa'* của chúng được con người nhận thấy rõ ràng hơn vì chúng không chỉ bị tác động bởi bên ngoài mà còn tự chúng có những vận động tự thân để thích ứng không thời gian bên trong với không thời gian bên ngoài. Cái *'tự thân vận động'* của cây cỏ, thú vật do từ hai yếu tính *'hiện bày, tiếp nối'* của dạng hiện hữu cùng hai nhu cầu *'tự nuôi dưỡng, tự sinh sản'* của dạng tồn tại. Nơi chúng, ngoài cái *'sống thân xác'* đã bắt đầu hình thành cái *'sống ý thức'*, nói theo nhà Phật là đã có cái *'uẩn thứ sáu'* (thức uẩn) nhưng cái *'thức uẩn'* này phần lớn do đòi hỏi của cái sống thân xác, nghĩa là do các cảm giác, tri giác còn sơ khai. Cây cối biết đau đớn khi bị vết chém vào và biết chữa lành vết thương đó (nhựa cây chảy ra, da thịt lành lại). Có những loài chim thiên di, biết tránh vùng lạnh lẽo tìm vùng ấm áp ; có loài sâu bọ biết dự trữ lương thực ; có loài cá hồi biết tìm về nguyên quán,...So ra, cảm quan (những thể hiện đầu tiên của cái sống tri thức) của một số loài thú vật có phần tinh vi hơn con người nên con người phải mượn qua những chế tác kỹ thuật để bù đắp những yếu kém đó

(chế ra kiến đeo mắt để thấy xa, thấy rõ, chế ra xe cộ, máy bay, tàu thủy để được đi nhanh, bay cao lên tầng không, ở dài ngày dưới biển,...), nhưng có thể nói các dạng tồn tại này mới có 'giác thức' chứ chưa có tri thức. Dạng tồn tại thực vật là dạng tồn tại trung gian giữa tồn tại vô cơ và hữu cơ tức trung gian giữa khoáng vật và động vật, như thế, có thể nào chính dạng tồn tại thực vật đã làm phát sinh ra dạng tồn tại thú vật rồi làm phát sinh dạng tồn tại người tương tự như Darwin đã bảo 'từ khỉ sang người'. *Darwin chỉ bảo 'từ khỉ sang người' chứ không bảo từ 'cái gì sinh ra khỉ' và 'từ người sẽ sinh ra gì?'* Hầu như Darwin và các người theo thuyết Tiến hóa của ông chưa hề nói với cuộc tranh đấu mưu sinh và tuyển chọn tự nhiên thì con người sẽ tiến sang những dạng tồn tại nào khác với 'con người động vật' hiện nay. Trên diễn trình tiến hóa, người viết nghĩ rằng biết đâu chính dạng tồn tại thực vật đã là 'thủy tổ' của dạng tồn tại động vật nhưng diễn biến đó quá lâu lắc và cũng không có dữ kiện nào chứng minh. Cơ sở vào đó, *người viết nghĩ rằng dạng tồn tại 'người động vật' (homme animal) hiện nay, do cái sống vô thức phát triển, sẽ trở thành dạng tồn tại 'con người nhân tính' (homme humain) trong nay mai, có nghĩa, con người không còn mang tính động vật nơi mình.*

Trước nay, chỉ duy Đạo học mới đề cập đến 'bản chất' của sự vật (qua những lời đã trích trên), còn về mặt 'tri thức luận', không mấy ai băn khoăn về 'bản chất' của sự vật này nọ như bản chất mặt trời, mặt trăng, tinh tú hay bản chất con ong, cái kiến, con bò, con trâu, con cá, con chim, bản chất cây thông, cây bàng ; bản chất chế độ chính trị, kinh tế,..Thông thường, khi nói đến bản chất

một thứ gì, chúng ta căn cứ vào một đặc điểm thường hằng nào đó của sự vật để xác định bản chất của nó như : bản chất kim loại là dẫn nhiệt, bản chất con chó là trung thành với chủ, bản chất con người là thiện hay ác, bản chất người Á Đông là hướng nội, quy tâm, bản chất người phương Tây là hướng ngoại, chinh phục, v.v.....Nghĩ ra, như thế không hẳn đúng vì mỗi vật thể, hiện thể có nhiều đặc điểm và những đặc điểm đó có thể thay đổi từng lúc.

Người viết không biết gì về Vạn Vật học, về Di Truyền học, Thần Kinh học nên những biện giải trên đúng, sai, người viết không đoan quyết. Người viết cơ sở nơi Đạo học nên nghĩ rằng khi Đạo Thể hay Cội Nguồn lúc tự sắc tướng hóa để sinh thành mọi thứ hiện hữu đã phú cho mỗi thứ cả ba cái Sống thân xác, tri thức và tâm linh. Phần sống tâm linh này được xem là phần cư ngụ của Đạo Thể (Thánh Linh, Tâm không) nơi mỗi thứ và là bản chất của mỗi thứ nên tất cả mọi thứ hiện hữu đều cùng một bản chất. Nói theo Phật giáo, phần sống tâm linh này là phần **THỂ** chỉ thể hiện qua phần **TƯỚNG** và **DỤNG** của sự vật. Tướng là phần cấu trúc thân xác, Dụng là những hiện tượng tức những dạng hiện hữu phát sinh từ Tướng. Ta chỉ nhìn qua phần Tướng và Dụng để mượn tượng ra phần Thể chứ không thể nào nhận biết được phần Thể như trong Phần 3, Chương 'Thể-Tướng-Dụng' sẽ đề cập.

## II.- Khoa Sinh Kỹ Thuật học và Bản chất con người.

Quan niệm Bản chất con người là cái Tánh Không, cái Thánh Linh, ta mới khởi bản khoản, nghi ngại về những luận điểm của các khoa Y Dược học, Thần kinh học, nhất là các khoa Sinh Thể kỹ thuật học (biotechnologie) cho

rằng bản chất con người có thể thay đổi được bởi tính di truyền và bởi các động thái (comportement) của con người trong môi trường sống. Những điều này được Francis Fukuyama đề cập trong tác phẩm ***'Our Posthuman Future- Consequences of the Biotechnology Revolution'*** (được dịch sang Pháp ngữ : La Fin de l'homme - Les conséquences de la Révolution biotechnique) : *'Sự cáo chung của con người - Hậu quả của cuộc Cách mạng Sinh Kỹ Thuật học'* (6)

Trước đây, năm 1932, nhà văn Anh Aldoux Huxley (1894-1963), qua tác phẩm ***'Thế giới tối ưu'*** (Le meilleur des mondes) đã dự đoán một số điều các nhà Sinh kỹ thuật học sau này đề cập. F.Fukuyama nêu một số điều trong sách này như sau: *« Trong thế giới đó, bệnh tật và các cuộc cạnh tranh xã hội bị hủy bỏ, không còn sự suy nhược, sự điên loạn, không còn cô đơn, không còn những xúc động khốn khổ ; vấn đề giới tính là điều tốt đẹp và có sẵn. Ngay cả có một dịch vụ chính thức bảo đảm khoảng cách giữa một sở thích vừa xuất hiện đến việc thỏa mãn sở thích đó được rút ngắn tối đa. Không còn ai coi trọng tôn giáo, không còn ai phải nghĩ đến vấn đề nội tâm hay phải nuôi những hối hận vô ích. Gia đình theo nghĩa sinh-vật học bị hủy bỏ, không còn ai đọc Shakespeare. Nhưng chẳng ai -ngoại trừ John, kẻ trở thành man rợ, người hùng trong tác phẩm- không thiếu những thứ trên vì tất cả mọi người đều sung sướng và luôn sức khỏe tốt'* (7).

Cũng theo F.Fukuyama, sách ***'Thế giới tối ưu'*** từ lúc được in ấn, đã được giảng dạy ở nhà trường và nhiều tiểu luận được đề cập đến chủ đề : *'Có điều nào sai trái trong sự miêu tả xã hội như thế chẳng ?'. Câu trả lời -ít ra là những bài được chú ý nhất, là : "Mọi người trong 'thế giới*

*tối ưu có thể rất sung sướng và sức khỏe tốt nhưng không còn là những hữu-thể-người". Họ đã ngừng đấu tranh, không còn mong muốn yêu thương, không cảm thấy đau khổ, không cần chọn lựa những vấn đề đức lý khó khăn, không cần có gia đình, nói gọn là không làm tất cả những gì thường được gọi phù hợp với khái niệm hữu-thể-người. Họ không còn những đặc trưng được ban cấp cho nhân phẩm con người nữa... Thế giới của họ đã trở thành ngược với nhiên tính vì bản chất con người bị biến tính... Theo nhà sinh-đức-lý học Léon Kass : 'Khác với con người được giảm thiểu bịnh tật hay tính chất nô lệ, những người bị mất nhân tính theo như cách miêu tả trong 'Thế giới tối ưu' không là những kẻ khốn khổ : họ không hiểu rằng họ đã mất tính người và -tệ hơn- họ sẽ tự chế diểu nếu họ nghĩ ra điều đó. Họ chính là những kẻ nô lệ sung sướng trong một thứ hạnh phúc nô dịch"(8).*

**Đọc trên Google :** trong tác phẩm giả tưởng này, "A.Huxley dự tưởng một xã hội sử dụng 'kiến tạo di truyền' và khoa 'lai tạo' (tạm dịch từ clonage : sự sinh sản của tế bào do từ một tế bào duy nhất nào đó được chọn vì có những đặc điểm hay ho riêng biệt) để 'điều kiện hóa' và kiểm soát sự sống của tất cả mọi người. Trong xã hội đó, con cái được thụ sinh trong các ống nghiệm và do mã số di truyền được sắp xếp vào một trong năm loại người : hạng Alpha (élites, trí thức), Bétas (les exécutants, lớp người thi hành), Gammas (employés subalternes, nhân công thứ yếu), Deltas và Epsilons (hạng người lao dịch). Quyển tiểu thuyết này mô tả một xã hội bề ngoài xem ra dân chủ nhưng kỳ thật là một chế độ độc tài mà do tiêu thụ và tiêu khiển, con người không khác gì nô lệ, bị giam vào một tù ngục không vách ngăn mà tù nhân lại sung sướng vui hưởng

tình trạng nô lệ của mình (Le 'Meilleur de mondes' décrit aussi ce que serait la dictature parfaite, une dictature qui aurait les apparences de la démocratie, une prison sans mur dont les prisonniers ne songaient pas à s'évader. Un système d'esclavage où, grâce à la consommation et au divertissement, les esclaves auraient l'amour de leur servitude – Google)”

Qua tác phẩm *'Our Posthuman Future'*, F.Fukuyama lược kê mọi thành tựu của khoa Sinh kỹ thuật học từ cuộc *'Cách mạng trong những khoa Thần kinh học trí năng'* (La Révolution dans les Neurosciences cognitives), *'Tính di truyền của trí thông minh'* (héridité de l'intelligence), *'Di truyền và tội phạm tính'* (génétique et criminalité), *'khoa Dược thần kinh học và kiểm soát động ứng'* ( la neuropharmacologie et le contrôle du comportement) đến *'Sự kéo dài cuộc sống'* (la prolongation de la vie), *'Kiến tạo di truyền'* (ingénierie génétique) (9). Tất cả những thành tựu đó rất đáng hoan nghênh nhưng F.Fukuyama e ngại những hậu quả của khoa 'Sinh kỹ thuật học' liệu có làm biến đổi và tiêu trừ cái 'bản chất người' nơi chủng loại người. Trong phần hai của quyển sách, Fukuyama nói đến *'Quyền của con người'* (chương VII), *'Bản chất con người'* (chương VIII), *'Nhân phẩm'* (la dignité de l'homme). *Phần III cuốn sách* (chương X, XI, XII) nói đến Sự kiểm soát Khoa Sinh Thể học hầu hậu quả của các khoa học này không di hại đến bản chất người. Và Fukuyama đi đến kết luận nơi trang cuối quyển sách : *"Chúng ta không chấp nhận bất kỳ một thế giới nào trong tương lai dưới ngọn cờ giả hiệu của tự do dù nhân danh quyền sinh thực vô tận hay của sự nghiên cứu, tìm tòi khoa học bất chấp mọi trở ngại.*



*Chúng ta không thể tự mình xem như là những nô lệ bị bắt buộc tuân theo một tiến bộ kỹ thuật bất khả tránh nếu sự tiến bộ đó không phục vụ cho những cứu cánh của cuộc sống người. Tự do chính đáng là những thứ tự do trong những cộng đồng chính trị, bảo vệ được những giá trị quý giá nhất ; và chính cái tự do đó là điều chúng ta phải sử dụng đối với cuộc cách mạng sinh học hiện nay”(10).*

Đồng ý với Fukuyama là không nên hủy bỏ bản chất người nhưng người viết nghĩ rằng **Kiến tạo di truyền có thể làm biến đổi tính nết, tính tình con người chứ không thể làm biến đổi bản chất người.** Không biết gì về Sinh học, người viết không rõ bộ gènes (génom) có bị ảnh hưởng bởi môi trường sinh hoạt hay không. Điều dễ thấy là cuộc tranh đấu mưu sinh và cạnh tranh xã hội dễ dàng thay đổi tính tình con người. Chẳng hạn một người thật thà, chơn chất, do cảnh ngộ hay những điều kiện nào đó của cuộc sống đã trở nên gian tham, quỷ quyệt ngược lại một kẻ cuồng bạo, vũ phu đã được một hiền nhân, một thiện trí thức giáo huấn đã trở nên hiền lành, lương thiện ; kẻ khác sao bao thất bại về tình ái hay bao hoạt động sinh sống khác đã vứt bỏ mọi ham muốn lâu nay, tìm sống thanh thản nơi chốn thiền môn,... Bao nhiêu tu sĩ các tôn giáo, lúc đi vào đời, hành đạo cứu đời, đã bị cám dỗ bởi cuộc sống vật chất, không còn giữ được đạo pháp chân truyền, còn lợi dụng danh nghĩa nhà tu để tìm cách tạo lập, vui hưởng mọi thứ hoan lạc của đời. Người VN đến sống nơi các xứ tự do, luôn biết nói ‘xin lỗi, cảm ơn’, điều mà nơi quê nhà không mấy khi sử dụng. Người Cộng sản chỉ biết trung thành với Đảng, chỉ biết sử dụng bạo quyền, bạo lực, trở thành vô cảm trước bao bất hạnh của dân nước, liệu có phải do cái ‘kiến tạo di truyền’ tạo

nên chăng ? Người Việt ở hải ngoại, hàng chục năm cách xa quê hương, vẫn luôn hoài vọng quê hương tổ quốc mình, vẫn bảo lưu sắc thái văn hóa dân tộc Việt nhưng cũng lắm kẻ không còn tư tưởng gì mà còn quên hẳn, đến cả không còn nói được tiếng Việt trong khi tiếp xúc với người Việt ; trong hai trường hợp đó, làm sao giải thích là do kiến tạo di truyền tạo nên ?

Dĩ nhiên tính di truyền là một yếu tố của sự sống nhưng không duy nhất chỉ riêng nó. Chỉ thiên về một mặt chuyên biệt nào đó thôi thì, theo người viết, không thể hiểu được đầy đủ ý nghĩa cùng giá trị của sự sống. Tóm lại, theo người viết *'Khoa sinh thể kỹ thuật học cùng mọi thành tựu của nó chỉ làm biến đổi những gì con người thủ đắc (acquis) qua diễn trình sinh hóa của chủng loại người chứ không làm biến đổi bản chất người (nature humaine) vì bản chất người là thứ bẩm sinh, thiên phú (inné)*. Nhưng thế nào là bản chất người ? Fukuyama bảo : *"Bản chất người là thứ cho ta một ý nghĩa đạo đức, thứ cung cấp cho ta những sở năng cần thiết để sống thành xã hội và được dùng làm căn bản cho những luận thuyết triết học vô cùng trác tuyệt về quyền hành, về công lý và đạo đức"*. Thiết nghĩ, hiểu như thế chưa đầy đủ vì 'đạo đức, luân lý, quyền hành, công lý' cũng chỉ là những thứ thủ đắc qua diễn trình Tiến hóa và chính cái bản chất người là nguyên nhân làm phát sinh những điều đó. Cơ sở nơi Đạo học, người viết nghĩ rằng *'Bản chất con người chính là cái Tâm Không, cái Tánh Không, cái Phật Tính, Phật Tâm* (thường gọi ngắn gọn là cái Tâm) *hay cái Thánh Linh nơi con người'*. Đây là phần 'sống vô thức', phần Tâm Linh do Đạo Thể (Thể tính Chân Như hay Thượng Đế đã gởi một phần Tính thể mình vào mỗi vật thể, hiện thể). *Chính cái Sống Tâm linh này đã*

***tác động vào hai cái sống Thân xác và Tri tuệ để định ra dòng tiến hóa của vạn hữu.*** Nhưng cái Tâm hay Thánh linh là một pháp vô vi, muốn thể hiện ra phải mượn qua những pháp Hữu vi tức hai cái sống thân xác và tri thức. Hai cái sống này do yêu cầu riêng của nó [cái sống thân xác đòi hỏi phải có của cải, lương thực để duy trì và tiếp nối ; tri thức tức phần lý trí luận lý luôn trong tình trạng 'phân ly chủ-khách' (scission sujet-objet)] nên không phản ánh thật đúng tác động của Tâm linh mà làm phát sinh nhiều phương diện hiện hữu khác nhau của cuộc sống, cuộc đời.

Cho dù Khoa học nói chung và các khoa Sinh thể kỹ thuật học có làm biến đổi tính nết, tính tình con người, có đưa đến tình trạng 'phi nhân tính', đến chế độ kỹ trị (xem phần III, chương 1) thì cuộc Tiến hóa chưa dừng tại đó vì cái sống Tâm linh lại tác động vào hai cái sống Thân xác và Tri thức sang từng dạng hiện hữu mới, tiến dần đến đoạn diệt cả Vật chướng (các trở ngại cho cuộc sống gây ra bởi cái sống Thân xác) và Lý chướng (những trở ngại gây ra bởi cái sống tri thức theo Lý trí luận lý). ***Tùy theo sự thể hiện ra thực tại thế nào (qua hai cái sống thân xác và tri thức) cái Tâm hay Thánh linh lại tác động tiếp và cứ thế tiếp tục, do đó mà phát sinh những thay đổi liên tục của nhân sinh hoặc tốt hoặc xấu, lúc chậm chạp, lúc nhanh chóng nhưng bao giờ cũng hướng về cứu cánh của dòng tiến hóa là cảnh giới sống đời đời mà nhà Phật gọi là 'Hữu Du Niết Bàn' và Ki-Tô giáo gọi là 'Nước Trời' rồi tiến mãi đến Vô Du Niết Bàn theo Phật giáo hay đồng nhập với Đức Chúa Trời theo Ki-Tô giáo ;*** lúc đó cuộc sống, cuộc đời không còn đau khổ, tội lỗi để được vui sống đời đời. Do đó mà cả hai tôn giáo khuyên chúng ta phải phát huy, phải tuân thủ theo sự chỉ đạo

của cái Tâm, của Thánh linh. [người viết không đồng ý một số luận giải về Phật giáo khi bảo *Tâm thiện, Tâm lành, Tâm tịnh, Tâm mê, Tâm ác, Tâm loạn, Tâm động* vì đã là Tâm thì luôn luôn là Thiện (hiểu Thiện là tôn trọng, vun trồng, phát triển sự sống). Tông phái Duy thức đồng hóa Tâm (Tánh Không, Phật tính, Phật tâm) với A-Lại-Da-Thức rồi gọi chung là Tâm Thức, như thế là đã ‘sắc tướng hóa’ cái Tâm vốn là pháp vô vi, không mang chở một đặc tính nào cả, luôn thường hằng, bất biến.. A-Lại-Da-Thức, nếu có thì chỉ là phần thể hiện của Tâm ra thực tại qua cái Thức (tri thức) nơi con người : Tâm là Thể, A-Lại-da (nếu có) chỉ là phần Dụng của Tâm. Cái Thức thứ tám (A-Lại-da) này là sản phẩm của Duy Thức tông chứ Đức Thích Ca không hề nói đến ].

### III.- Bản chất con người – Giá trị con người – Vấn đề Nhân bản, Nhân quyền, Nhân phẩm :

Từ ‘Người’ nơi đây vừa chỉ ‘con người cá thể’ vừa chỉ chung ‘chủng loại người’.

**a) Bản chất con người :** Trước nay, người ta nêu ra rất nhiều tính chất được xem là ‘bản chất’ con người qua những thuật ngữ : *con người là ‘hữu thể lý trí, hữu thể tín ngưỡng, hữu thể tình cảm, hữu thể xã hội, hữu thể tự do, hữu thể sáng tạo, hữu thể suy tư, hữu thể kinh tế, hữu thể chính trị,..’*. Đôi triết gia còn bảo : *con người là ‘hữu thể đang trở thành’ (être en devenir), hữu thể tự tạo, hữu thể cho ngày mai, hữu thể của viễn ly (être du lointain)*. Một số người khác bảo : *“Bản chất con người vốn thiện, bản chất con người vốn ác, bản chất con người là đấu tranh, là đam mê, là phạm tội ; bản chất con người là ích kỷ, là tham sân si, là bạo tàn, gian manh,*

*quỷ quyết, bản chất con người là hiếu sắc, hiếu lợi, hiếu danh...*". Cứ thế, mỗi một tính xấu hay tốt đều có thể là một 'bản chất' của con người được cả vì hầu như có tính cách cố hữu và chung nơi từng người dù xưa hay nay, dù thuộc xứ sở, dân tộc nào.

Những thứ vừa kể trên, thực ra, chỉ là những tính chất, những đặc điểm của con người chứ chưa là cái 'gốc', cái bản chất thực sự hay cái bản thể thuần khiết, phổ quát của con người. Hơn nữa, nếu mỗi tính chất, mỗi đặc điểm kể trên được xem là bản chất thì con người có hằng hà sa số bản chất, và bản chất con người có thể từng lúc nay thay mai đổi sao? Vậy có thể nói *'bản chất con người là điều kín nhiệm'* và con người luôn luôn trên hành trình đi tìm cái thực sự là bản chất mình.

Qua lịch sử, do nhu cầu *'tranh đấu mưu sinh'* (tức Tội Tổ Tông), con người luôn gây đau khổ cho mình và cho nhau, sở dĩ thế là vì, theo các nhà nhân bản học, con người chưa thực sự là *'con người nhân bản'*, có nghĩa *'con người chưa sống đúng với bản chất mình'*. Câu hỏi nêu ra: *"Như đã nói trên, bản chất con người cũng như nơi mọi vật thể, hiện thể khác, là cái Đạo Thể, cái Thánh Linh, cái Tâm Không đã có sẵn nơi con người rồi, sao lại bảo chưa sống đúng với bản chất?"*. Đúng thế, nhưng như đã nói, cái Bản chất, bản thể tuy có sẵn nơi con người nhưng không 'trú đóng' ở một vị trí nào cố định, không nằm nhất định nơi một bộ phận nào trong cơ thể con người như 'ý nghĩ, kiến thức, tư tưởng' nằm nơi bộ não, tình cảm nằm nơi trái tim như người ta thường bảo. Hơn nữa, vì là một pháp 'vô vi' nên khó lòng nhận biết bằng một khí cụ hay một cách thức nào. Thêm nữa, nói theo M. Heidegger, nó luôn *'thoái tàng, phơi mở'* (retrait-

**ouvert)** chứ không cố định ở một vị trí nhất định và không hiện bày một cách minh thị, tỏ tường. Ta không thể nhận biết được bản chất mà chỉ mượn tượng ra một số thể hiện của nó qua hai cái sống thân xác và tri thức để gán cho con người từng tính chất, đặc điểm nào đó : hung dữ, hiền lành, thiện, ác, ngay thẳng, thật thà, gian manh, xảo trá,...qua hành vi, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ, ý tưởng...đối với mình và đối với tha nhân (do đó mà ta thường gọi là : tâm tịnh, tâm lành, tâm ác, tâm loạn,...như đã nói trên).

Cũng như bao kẻ đi kiếm tìm một 'bản đồ thật' hầu truy tầm ra một kho tàng bí mật hay một bí kíp võ lâm được chôn giấu, con người và nhân loại luôn luôn đi tìm cho ra tung tích cái '*kho tàng bản chất người*' nơi mình. Nhưng khốn nỗi, chẳng có một bản đồ thật nào cả, vả cũng chẳng thể có một bản đồ nào. Bản chất con người có sẵn nơi con người nhưng chỉ có thể nhận biết phần nào những thể hiện của nó qua hai cái sống thân xác và tri thức thôi. Nếp sống tâm linh, phần sống vô thức tức cái Thánh Linh, cái Tâm Không, tuy không cư trú nơi một vị trí nào nhưng lại luôn luôn âm thầm tác động, điều hướng mọi hoạt động của con người trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại hầu đáp ứng những yếu tính và yêu cầu của dạng hiện hữu và dạng tồn tại người, không phải ngay tức thì mà dần dà qua quá trình thời gian. Bản chất tuy có sẵn nơi con người nhưng không là cái hiện bày minh thị trước mắt ta như một công cụ để ta tóm lấy và sử dụng mà là '*cái đang phơi mở*' qua từng bước hiện hữu của ta trong vòng hiện tượng. Do đó, **bản chất người là cái đang dần dà trở thành và viên dung nơi con người và nhân loại qua bao tang thương, gẫy đổ của**

cuộc sống trong cuộc đời. Bản đồ hướng dẫn tìm ra bản chất chính là cuộc sống mỗi người trong cuộc đời chung của chúng loại và vạn hữu. Cuộc sống, do đó là hành trình đi tìm lại, tìm ra chính mình để viên dung cái bản chất người nơi mình trong cuộc đời.

**b) Giá trị con người** (valeur humaine). Chính do cuộc sống là hành trình hướng về viên dung bản chất mà con người có một giá trị so với bao nhiêu vật thể, hiện thể khác trong vũ trụ hiện tượng. Tuy con người cùng một bản chất với mọi thứ khác nhưng con người có giá trị hơn vì con người có đủ các yếu tính của dạng hiện hữu cùng các yêu cầu của dạng tồn tại nên dễ biểu hiện bản chất mình hơn trên diễn trình Tiến hóa.

Từ 'giá trị' thường được dùng và hiểu theo nhiều cách tùy theo cái Dụng của vật thể đem lại nhiều lợi ích, lợi nhuận, tiện nghi cho cuộc sống so với các vật thể cùng loại, cơ sở vào giá tiền, vào sự cần thiết, vào sở thích của người dùng. Giá trị con người không thể đánh giá trên những tiêu chuẩn đó.

« Lâu nay, nói đến giá trị con người là ta đặt con người trong thế đối chiếu với các sinh vật khác hoặc với tha nhân, hoặc so sánh con người trong một cấu trúc xã hội này với con người trong một cấu trúc xã hội khác, để phát hiện những khác biệt cùng những tính chất chung rồi đánh giá hơn kém nhau. Phương pháp đó không đủ để nói lên giá trị tự thân của con người. Bởi vì giá trị con người tuy nội tại nơi con người nhưng luôn trên đường thể hiện, trên đường hoàn thành qua cuộc sống con người. Cuộc sống con người là tiến trình viên thành giá trị con người. Giá trị con người được phát hiện và xác định qua cuộc sống riêng lẻ từng cá nhân lúc so sánh

với một cá nhân nào đó và qua cuộc đời lúc đối chiếu với mọi dạng tồn tại khác. Bạc quân tử, kẻ tiểu nhân, người nầy anh hùng, kẻ kia vô lại, kẻ dữ, người hiền, kẻ gian tà, người đức độ,... ; tất cả những phân biệt, đánh giá đó đều do đối chiếu, so sánh cơ sở trên một số tiêu chuẩn phát sinh từ những qui ước xã hội trong từng giai đoạn lịch sử và chỉ nằm trong phạm vi tỷ giảo cá thể. Trong cõi hiện tượng nói chung, giá trị hay bản chất con người được biểu hiện qua cuộc sống, cuộc đời trong môi trường đồng loại và chỉ được xác định qua con người trong tư cách là tổng thể hơn là từng cá thể riêng biệt vì 'hiện thể là trong toàn thể' ; cái 'cá thể' luôn là hình ảnh của một 'tổng thể' chứa sẵn nơi nó và tổng thể cũng luôn là cái cá thể qui định bởi tổng thể nội tại nơi nó và thể hiện qua nó. **Giá trị cuộc sống được nhìn thấy qua cuộc sống nhân loại. Giá trị cuộc sống chính là ý nghĩa cuộc sống trong cuộc đời hay chính nơi cuộc đời. Cuộc sống con người không ở ngoài con người. Cuộc sống không có giá trị tự thân cho nó vì cuộc sống của bất kỳ sự vật, hiện thể nào không thể tách rời vật thể hay hiện thể đó. Cuộc sống chỉ là phần hiện hữu, phần hiện bày của hiện thể, phần thể hiện, mở phôi, trình xuất mình ra trong cuộc đời tức trong trường tương tác bất tận của vạn pháp để hoàn thành mình, để viên dung mình nghĩa là để tìm về Tự thể, Tính thể, Bản chất của mình trong cái Tự thể, Tính thể, Bản chất chung của vạn hữu, của vũ trụ. Cuộc sống con người không tuân theo qui luật 'tuần hoàn khép kín' như ta thường nghĩ về cuộc sống các sinh vật khác, vì con người có tự do, biết sáng tạo, biết tạo ra lịch sử cho chính mình và cho chung chủng loại. Vì thế, con người biết hướng cuộc sống mình đến một mục đích, một cứu cánh nào đó cho cuộc sống mình, tạo cho cuộc sống có một**



*ý nghĩa. Nhưng ý nghĩa đó, đối với từng cá thể trong hạn kỳ tồn tại ngắn ngủi trung bình 100 năm lại trở nên 'vô nghĩa' đối với cá thể đó nhưng lại góp phần cho ý nghĩa chung cuộc sống của nhân loại (cuộc đời) được thị hiện. Cứu cánh và ý nghĩa cuộc sống chung của nhân loại là luôn luôn thăng hoa hiện hữu để tiến đến trạng thái thoát ly mọi bủa vây của thiết yếu cơ năng, giải phóng mình khỏi mọi cưỡng bức của hiện tượng để vươn đến tự do thực sự, để thể hiện tròn đầy cái Bản chất, cái Tự thể, Tính thể của mình trong cái Bản lai đồng của vũ trụ càn khôn. Hành trình đó phải kinh qua nhiều kỷ nguyên để đổi mới dạng tồn tại mình.. Mỗi lần bước vào một dạng tồn tại mới là mỗi lần con người và chủng loại tạo ra một dạng thức hiện hữu mới và đến gần với Bản chất, với cái 'Bản lai diện mục' của mình hơn ».*

Do đó, việc đòi hỏi nhân bản, nhân quyền không lúc nào ngừng. Sự việc này buộc con người phải luôn luôn tranh đấu trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại nhằm hai mục đích :

\* Trước tiên làm giảm thiểu mọi khổ đau do cuộc đời đưa đẩy, vượt thoát những thiếu thốn, cực nhọc để cuộc sống mỗi người và cuộc sống giữa nhau được dễ dàng, tiện nghi, sung túc, phong phú hơn. Điều này là tất nhiên được thấy qua cuộc tranh đấu mưu sinh thường nhật trước tiên phục vụ cái sống thân xác. Trong nhu cầu này, con người luôn tìm cách khắc phục mọi trở ngại thiên nhiên, chinh phục ngoại giới, tạo tác ra mọi điều kiện, mọi nguồn năng lượng mới đưa hiện hữu sang từng dạng cao hơn (yếu tính siêu vượt và yêu cầu phát triển, biến hóa). Đây là phần vụ của cái **Biết Làm**, của cái Sống Tri Thức.

\* Tiếp theo là tìm ra ý nghĩa và cứu cánh cuộc sống, cuộc đời, xác định giá trị và vị trí mình trong vũ trụ, cũng

như trong xã hội, dùng đấng làm căn bản chỉ hướng xây dựng cuộc sống và cuộc đời để giá trị con người mỗi ngày thêm thăng hoa, siêu việt hầu qua từng kỷ nguyên sinh hóa, chủng loại người tiến dần sang từng dạng tồn tại cao hơn cho đến thời điểm ‘bản chất người’ đạt được toàn bộ viên dung. Đây là phần vụ của cái **Biết Sống**, của cái **Sống Vô Thức** tác động vào cái **Biết Làm**. Đây không hẳn do nhu cầu mà do từ một khuynh hướng bẩm sinh nơi con người (hành trình tìm về bản chất), do từ dòng vận hành của Lẽ Đạo tức dòng Tiến hóa ứng vào dòng sinh hóa của chủng loại.

Khoa học kỹ thuật, lúc tìm tòi, phát minh, chế tác, không nghĩ đến việc đi tìm ‘bản chất’, không nghĩ đến việc diệt trừ cái ác nhưng những thành tựu đã tạo điều kiện cho ‘*bản chất người*’ được thể hiện mỗi ngày một rõ hơn, khiến cái ác bị đẩy lùi (chiếc khóa cửa, chẳng hạn đã ngăn chặn kẻ trộm, kẻ cắp). Trong lúc đó, các bộ môn khoa học nhân văn (tôn giáo, triết học, đạo đức, nghệ thuật,...) không ngừng chỉ hướng cho con người và nhân loại biết yêu thương, tương nhượng, biết sống hòa bình, biết cải tiến bản thân và cuộc sống xã hội để tránh gây đau khổ, tội lỗi cho mình và cho nhau để mỗi ngày một thăng hoa giá trị tự thân của riêng từng người và của chung nhân loại. Nhìn chung, từ ngày xuất hiện đến nay, loài người luôn tìm cách thị hiện cái ‘*bản chất người*’ và những từ ngữ ‘*văn minh, tiến bộ, văn hóa, dân chủ, tự do, công bình, bác ái, nhân quyền, nhân phẩm,...*’ được xem là những chỉ dấu rõ ràng cho hành trình đó. Tuy nhiên, cái ‘*bản chất người*’ không chỉ dừng ở đấy và con người cùng nhân loại vẫn phải tiếp tục trên đường tìm ra

bản chất mình mỗi lúc một rõ ràng, minh thị, tròn đầy hơn.

Khoa học kỹ thuật (do cái Biết làm, cái sống tri thức) như đã nói, làm giảm thiểu tội ác thì lại làm phát sinh tội ác ở mức độ lớn rộng, tế vi hơn, đưa cuộc sống, cuộc đời đến một trạng thái *'nô lệ ẩn tàng'* (xem Chương 'Biệt nghiệp - Cộng nghiệp') khó lòng nhận diện tường minh nguyên nhân, thủ phạm. Trong lúc đó, tôn giáo và các bộ môn khoa học nhân văn chưa đủ sức mạnh làm tiêu tan tội ác. Lời xưa bảo : *'Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng'* , đến bao giờ tính Phật cao hơn tính ma ? Đến bao giờ cái ác hoàn toàn tiêu hủy để toàn thiên hạ đại đồng trong tính thiện ? Mọi công trình, mọi bộ môn học bằng mọi cách riêng của mình luôn cố giải thích và giải quyết cạm bẫy trù Thiệt Ác đó, dù nhiều bộ môn không đặt vấn đề luân lý, đạo đức mà chỉ nhằm tìm tòi, khám phá để hiểu biết và tạo tác mọi thứ chứ không chủ trương định hướng cho nhân sinh. Nhưng tất cả (minh thị hay mặc nhiên) đều đồng quy về việc đào bới và thực hiện cái 'bản chất người' mỗi lúc một sáng tỏ hơn, giúp cuộc sống cá thể và cộng đồng tốt đẹp hơn qua từng giai đoạn lịch sử của chủng loại, cuối cùng dẫn về viên dung bản chất. Khoa học, vì không chú trọng về bản chất, ý nghĩa cuộc sống nên không để ý rằng chính công trình nghiên cứu, tìm tòi, giải thích và vận dụng thực tại bên ngoài của họ cũng là lộ trình đưa cuộc sống con người và mọi thứ phát hiện ra bản chất cùng tiến đến viên dung bản chất.

### **c) Động lực của hành trình viên dung bản chất.**

Trong tất cả các đặc điểm kể trên của con người (hữu thể lý trí, hữu thể tình cảm, hữu thể xã hội,...), có lẽ đặc

điểm *'con người là hữu thể đang trở thành, hữu thể cho ngày mai, hữu thể viễn ly'* xem ra nói lên lý do và là động lực khiến con người luôn trên đường hướng về bản chất. Vì có là *'hữu thể cho ngày mai'* nên con người mới cần thiết tạo ra và tích trữ của cải (do đó phát sinh Tư hữu, Chiếm hữu) để duy trì, tiếp nối cuộc sống. Do cái đặc điểm *'hữu thể cho ngày mai', 'hữu thể đang trở thành'* (dù bình thường ta không nghĩ đến) mà có hoạt động, ưu tư, lo lắng, ước mơ, dự tưởng, dự liệu, dự phòng, dự trữ, tiết kiệm, quy hoạch, tổ chức, phát kiến, phát minh, vạch ra phương hướng, đề ra chương trình, kế hoạch, phương thức đấu tranh với mình, với người, với thiên nhiên, xã hội. Những điều này quá thông thường, ai cũng rõ. Vì là *'hữu thể cho ngày mai'* nên cái Biết được phát huy, tích lũy, lưu truyền để phát triển, nâng cao cuộc sống, cuộc đời về mọi mặt hầu đổi khác dạng hiện hữu mỗi lúc một khác, một cao hơn hiện thực đang diễn ra. Niềm *'hy vọng'* phát sinh từ đây.

*'Ngày Mai'*, ai cũng biết rồi, là cái *'phía trước'*, cái *'chưa đến'* nhưng *'sẽ đến'* chưa hẳn do chính ta mà do cuộc đời bắt buộc ta. Con người luôn hướng đến ngày mai nhưng cái ngày mai đó ra sao lại do từ ý hướng và hành động nơi mỗi người khoác vào cho nó, sửa soạn cho nó ngay từ thực tại đương thời. Dù không nghĩ đến, cái ngày mai đó vẫn đến với ta, vẫn hình thành trong ta, do từ những hoạt động của ta ngày hôm nay, do những khả năng hiện có và sẽ được tạo ra để tương ứng với cuộc đời. **Hy vọng** chính là *'ước mơ ngày mai'*, một khuynh hướng bắt nguồn từ hiện tại, vượt thoát hiện tại, hướng đến tương lai để *'hiện thực hóa'* tương lai ngay từ hiện tại. Cái *'ngày mai'* luôn dịch chuyển về phía trước và cuộc sống dịch

chuyển theo nó trong cuộc đời. Nietzsche đã nói : *"Tôi là tôi hôm nay của quá khứ nhưng tôi cảm thấy nơi tôi một cái gì của ngày mai, của ngày mai nữa và của cả tương lai"* (11). Mỗi một toan tính, mỗi ước mơ, mỗi hy vọng là một hình thành của ngày mai nơi ta để đổi khác cái hiện có, cái hiện thời của ngày hôm nay.

Cái '**Ngày Mai**' được nói nơi đây không là cái Ngày Mai gần gũi trong mơ sinh thường nhật. Cái **Ngày Mai** nơi đây là cái '**Ngày Mai của Nhân loại**', của con người nói chung, cái **Ngày Mai của bản chất người**, một ngày mai không thể tính theo đồng hồ, theo ngày, tháng, năm, mùa, thế kỷ vì Nó có thể đến chậm hay đến nhanh do từ ý hướng, ý chí và hành động của con người trong dòng diễn tiến của cuộc đời. Vì rằng, bên cạnh cái ước muốn một 'ngày mai gần gũi trong mơ sinh thường nhật' được đầy đủ, thoải mái hơn hiện tại, thì đồng thời ta cũng mong ước sao cho cái 'ngày mai của mọi người, của xã hội' cũng được tốt đẹp hơn vì cuộc sống, cuộc đời luôn quan hệ nhau. Cái mong ước, cái ý hướng về một ngày mai hoàn thiện, hoàn mỹ đó cho ta và cho xã hội, dù không minh thị, là một biểu hiện của khuynh hướng tiềm tàng hướng về 'Chân,Thiện, Mỹ', hướng về 'giá trị hóa' tự thân cùng cuộc sống, cuộc đời, có nghĩa hướng về thể hiện cái 'bản chất người' nơi ta dù bình thường chúng ta không ý thức, không hình dung cái 'bản chất người' ra sao. Cái 'ngày mai thường nhật', ta có thể đạt được, có thể thành tựu cho ta, nhưng mỗi khi đạt được, ta lại xây dựng trong ta một 'ngày mai thường nhật' khác, và cứ thế, cuộc sống mỗi người diễn ra trong cuộc '*săn đuổi ngày mai*'. Cái động lực bắt ta luôn 'săn đuổi ngày mai' đó, ta thường cho là do nhu cầu, do sức ép xã hội, do hoàn, cảnh, do dục vọng nơi ta, thực ra phần nào do cái

'ngày mai của bản chất người', do tác động tiềm tàng của phần sống Vô Thức vào hai cái Sống Thân xác và Tri thức của ta mà chúng ta không để ý. Cái 'Ngày Mai của Bản Chất Người' luôn đang trở thành (en devenir) trong ta, có lẽ vì thế nên M. Heidegger gọi '**Con người là Hữu thể của Viễn Ly**' (*être du lointain*). M. Heidegger cũng bảo « *Tính thể của hành động là hoàn thành* » (l'essence de l'agir, c'est l'accomplir) Hoàn thành gì? Xin trả lời: '*Hoàn thành cái bản chất người nơi mình*'. Chúa Jésus bảo: '*Ta đến không để phá mà để làm cho trọn*' (Ma 5-17). Làm trọn không là hoàn thành sao? Làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời, làm trọn cái Thánh Linh nơi mình để hướng đến cảnh giới sống đời đời. Đức Thích Ca luôn luôn nhắc '*Mỗi chúng sinh là một Phật đang thành*'. Phật nơi đây chính là cái Phật tính, Phật tâm tức cái 'bản chất người' nơi mỗi người, nơi chủng loại người, rộng hơn chính là cái bản thể, cái 'bản lai đồng' của vạn hữu, của vũ trụ nói chung, để 'đáo bỉ ngạn', để sang được 'bờ bên kia'.

Cái '**ngày mai của bản chất người**' vì thế luôn luôn là một '**thực tại miên viễn dở dang**' nơi con người vì cuộc sống con người vốn hữu hạn vì được tiếp nối từ thế hệ này đến thế hệ khác (yếu tính tiếp nối và yêu cầu sinh sản). '*Nhân sinh bách tuế vi kỳ*', mỗi người chỉ sống trăm năm, ít hay nhiều hơn chút ít trong lúc '**ngày mai của bản chất người**' thì vô hạn. ***Một Tương lai vô hạn trong từng hiện tại hữu hạn, một thực tại miên viễn dở dang trong từng thực tại phù du hoàn tất***.

Cái '*Thực tại miên viễn dở dang*' này ám ảnh mãi những nhà tư tưởng, triết gia, nghệ sĩ,...nên bên trong họ không có sự bình lặng, an lạc, hạnh phúc của thần trí. Họ sống

hòa hợp với mọi người, với xã hội nhưng trong họ lúc nào cũng xao xuyến, băn khoăn, trầm tư, viễn lự. Họ không chỉ bị thôi thúc bởi tri thức thuần lý nhằm vào khám phá, chinh phục ngoại giới mà còn bởi những xao xuyến, ưu tư nội tâm, bởi cái yêu cầu thể hiện cái 'bản chất người' ngay trong hiện tại nơi mỗi người và ngay nơi xã hội trong từng phút giây hiện hữu, làm nền tảng thiết dựng tổ chức nhân sinh về mọi mặt. Đây có thể là một trong những điểm khác nhau giữa nhà tín ngưỡng và nhà khoa học. Nơi họ kết hợp cả cái 'suy tư quy củ' của khối óc với cái 'xao xuyến tinh tế' của con tim, nói theo Pascal, họ sống đồng thời cái 'esprit de géométrie' và cái 'esprit de finesse', có thể bảo họ là những kẻ 'duy lý và duy tình' cùng lúc. Không như nhà khoa học kỹ thuật bị đùn đẩy riêng bởi cái 'hữu thể lý trí', họ bị đùn đẩy bởi tất cả mọi đặc điểm nêu trên của con người. Chính vì hoài bão hiện thực hóa cái thực tại miên viễn dờ dang trong từng thực tại phù du hoàn tất nên họ đã đem chính bản thân họ hòa nhập vào dòng đời cuồng loạn, hàm hỗn đang bủa rộng, vây quanh mỗi người và mọi người. Họ đem cái Nghiệp riêng của mình đắm chìm vào trong cái Nghiệp chung của chủng loại, gánh cái Nghiệp chung đó để làm sáng tỏ ý nghĩa cuộc sống, cuộc đời, hướng dẫn nhân sinh vào con đường tự giải thoát, cứu rỗi mình, đồng thời chung cho tất cả, để mỗi người cùng nhân loại càng lúc càng viên dung cái 'bản chất người'. Thích Ca, Jésus cùng bao bao nữa là những con người đó.

*'Thánh nhân lấy lòng trăm họ làm lòng mình'* là vì vậy. Họ đi tìm cái ý nghĩa, cái cứu cánh của cuộc sống, cuộc đời. Và cái ý nghĩa, cái cứu cánh đó không chỉ để giải thích được mọi diễn biến sinh hóa của nhân sinh và vạn hữu mà còn điều hướng, chỉ đạo con người về mọi mặt

không chỉ bây giờ mà mãi mãi muôn sau. *Cái ý nghĩa họ tìm ra đúng hay sai, thật khó lòng nhận định vì họ chỉ giải thích mà không giải quyết. Họ chỉ vạch ra con đường sống, cách thế sống trong cuộc đời phù hợp với ý nghĩa họ tìm ra, nhìn thấy được chứ không nói đến cách giải quyết từng thực tại, từng vấn đề.* Vì thế, những điều họ nói ra chỉ là giải bày, khuyến cáo, răn khuyên hầu giúp mỗi người và mọi người điều hướng cuộc sống hơn là đáp số cho từng sự việc. Mượn lời S. Exupéry : « *Anh thấy đấy, trong cuộc đời không có đáp số, chỉ có những lực đang đi tới. Hãy tạo ra những lực đó, giải đáp sẽ đến sau* » (12). Những 'lực đẩy' đó, ta tìm thấy nơi hoạt động của nhân sinh về mọi mặt. Họ không nêu ra một cách thế nào, một phương pháp nào dứt khoát để tổ chức nhân sinh ; hoặc cùng lắm, nếu có, thì chỉ là đôi cách hướng dẫn từng cá nhân đối với mình trong xử kỷ tiếp vật trong quan hệ đối đãi giữa người với người. Họ hiểu rằng « *diễn biến sinh hóa của từng cá thể cũng như của từng chủng loại tùy thuộc vào mức độ nhận thức cùng mức độ tương tác của cuộc đời qua từng giai đoạn lịch sử* ». Giáo lý hay lý thuyết của họ không là thứ 'duy lý chủ nghĩa', có nghĩa họ không đem nhận thức chủ quan của mình áp đặt lên vận hành lịch sử, để từ đó đưa ra một phương pháp duy nhất, cố định mà hậu quả là làm ngưng đọng tiến trình lịch sử sinh hóa của nhân sinh, cùng gây ra bao tai hại cho cuộc sống, cuộc đời (như chủ nghĩa Má-xít-Lenin-nít được người Cộng sản áp dụng). Do đó, họ chỉ giải bày, chỉ hướng chứ không ấn định một phương pháp duy nhất nào. Nhưng qua những giải bày, chỉ hướng của họ, mỗi người và mọi người sẽ tìm ra cách thế an bài cuộc sống thế gian trong từng thực tại lịch sử



để cuối cùng đạt được trọn vẹn bản chất cùng ý nghĩa trọn vẹn cuộc đời.

*Diễn tiến sinh hóa hay dòng Tiến hóa của con người cũng như của muôn vật là con đường, con đường hướng về viên dung bản chất. Ta chỉ nhìn ra con đường đó với điều kiện ta lần bước trên con đường đó. Và mỗi lần 'lần bước' trên con đường, ta sẽ phát hiện ra từng phương pháp phù hợp với bước đường ta đi.* Mỗi bước chuyển dịch, mỗi chặng đường chuyển hóa trên con đường đó là một cách thể thị hiện của bản chất, một cách thể ta lần bước tìm về bản chất. Đi chệch hay đi ngược con đường đó là ngăn cản bản chất thị hiện, là lạc xa tính thể, là chìm đắm vào vô minh, là kéo dài dòng sinh hóa trong phiêu lưu, hiểm họa. *'Con đường trở thành bản chất'* (le devenir être) đó không có phương pháp vì con đường chỉ có khi có chuyển dịch và chỉ có chuyển dịch trên con đường đó, ta mới nhìn ra con đường. Mỗi bước chuyển dịch trên con đường tự nó định ra một phương pháp, hay đúng hơn, phương pháp hình thành ngay nơi mỗi bước chuyển dịch, và mỗi phương pháp lúc đó sẽ cho ta thấy ta bước sai hay bước đúng trên con đường tư tưởng, nghĩa là con đường tìm về bản chất. Chẳng hạn, nhân loại trước nay đã kinh qua bao nhiêu thể chế, tổ chức từ hình thái thị tộc, bộ lạc sang phong kiến rồi tư sản, cộng sản, tư bản,..; ở mỗi hình thái xuất hiện, hình thành những chủ nghĩa, ý thức hệ khác nhau cùng những phương pháp, cách thức tổ chức nhân sinh khác nhau. Con đường 'trở thành bản chất' không hiển hiện rõ ràng mà luôn tiềm ẩn trong tâm thức; mỗi người cùng mọi người đều đang cùng đi trên con đường đó mà không hề hay biết. Trong cõi hiện tượng, do những khác biệt về

khả năng, sở thích, ý hướng,..mỗi người chọn cho mình một con đường nào đó để lo cho cuộc sống của mình, nhưng tất cả mặc nhiên đều cùng trên con đường đó, nói theo Đức Khổng là *'Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ'*. Chính cái bản chất người nơi ta, cái phần sống Vô Thức trong ta đã ẩn mật hướng dẫn ta đi trên con đường đó. ***Cái Ý Nghĩa cùng Con Đường Đi đó được gọi là ĐẠO, người viết gọi là LỄ ĐẠO.***

#### **d) Nhân quyền – Nhân phẩm :**

\* **Nhân quyền** là quyền của con người (droit de l'homme). **Quyền** thường được hiểu là khả năng cùng điều kiện được sử dụng và hưởng dụng những gì hợp với ý muốn, hợp với sở thích, với nhu cầu của mình, không bị ngăn cản, cấm đoán. Trong cuộc sống cộng đồng, **Quyền** được bảo vệ bởi những qui tắc, qui điều (đạo đức, luân lý, pháp luật) buộc mọi người phải tuân giữ để cuộc sống chung được hòa bình, an lạc. Do cuộc tranh đấu mưu sinh và cạnh tranh xã hội mà nảy sinh nhiều thứ quyền : quyền tư hữu, quyền tín ngưỡng, quyền ngôn luận, quyền làm việc, quyền cư trú, quyền thương mại,..rồi quyền cha mẹ, quyền vợ chồng, quyền con cái, quyền phụ nữ, quyền sử dụng mặt biển, sử dụng không trung,.., ngày nay lại thêm quyền của thú vật (droit des animaux).

**Quyền** thường đi đôi với **Lợi, quyền lợi**, vì khi sử dụng quyền là nhằm mưu một lợi ích nào đó về mặt này mặt nọ cho cá nhân hay cho cộng đồng. Hầu như muốn sử dụng được quyền thì phải có sức mạnh, có năng lực nào đó vượt trội, do đó, **Quyền đi đôi với Lực, quyền lực**. Sự nắm giữ và sử dụng quyền lực là **Quyền bính**. Kẻ quyền bính hay thành phần nắm giữ quyền bính thực hiện quyền của mình bằng sức mạnh, bằng mọi hành động,

mọi mệnh lệnh nên họ dùng **quyền uy, quyền hành** để buộc kẻ khác phải tuân theo ý muốn của họ hoặc phải tuân theo những qui ước, qui điều đã được xã hội thỏa thuận mà họ đã nắm giữ hay được trao vào tay họ.

Trước nay, thường phân biệt hai thứ quyền : **quyền tự nhiên** (droits naturels) và **quyền xã hội** (droits sociaux). **Quyền tự nhiên** là những quyền tiên thiên căn bản của cuộc sống người do từ những yếu tính của dạng hiện hữu và những yêu cầu của dạng tồn tại. Có thể kể ra : quyền an toàn thân mạng, quyền làm việc (để tạo của cải), quyền cư trú, quyền đi lại, quyền nói năng, phát biểu ý nghĩ, tình cảm,...Quyền tự nhiên có tính cách chính đáng (**légitime**) và thuộc về **cái Tôi chủ thể, cái Tôi tự do** (le Moi-sujet), của từng người một. **Quyền tự nhiên** được xem là thiêng liêng, cơ bản vì không có những quyền này thì 'không sống', hay không có 'SỰ SỐNG người' mà chỉ là sự sống của các loài vô tri, vô tình. Do các **quyền tự nhiên** này mà trong xã hội, mỗi người được xem là một **chủ thể hiện sinh, một bản vị, một nhân vị** (personne) chứ không là một công cụ, một món hàng, một tha dụng cho kẻ khác.

**Quyền xã hội** cũng là những quyền tự nhiên đó được ứng dụng vào môi trường đồng loại trong tương quan giữa người và người. Trong xã hội, mỗi người sinh hoạt vừa với tư cách cá thể vừa với tư cách phần tử của cộng đồng. Kết tập thành xã hội, con người vừa hợp tác với nhau vừa cạnh tranh nhau. Do cạnh tranh xã hội, **cái Tôi chủ thể biến thành cái Tôi cá nhân** dưới mắt xã hội và **xã hội biến thành cái Tôi khách thể** (le Moi-objet) đối với cái Tôi chủ thể. Cái **Tôi xã hội** hay cái **Tôi khách thể** là cái Tôi

trừu tượng nhưng lại có thật (như cái tên của mỗi người) liên hệ với cái **Tôi chủ thể** trong danh nghĩa ‘kẻ khác’ dù do liên hệ huyết thống hay liên hệ tình cảm, bốn phận, trách nhiệm qua nhiều mệnh danh : ông bà, cha mẹ, con cái, vợ chồng, họ hàng, thân thuộc, láng giềng, bè bạn, vua tôi, đồng bào, đồng chí, đồng minh, đảng viên, đoàn viên, xã viên, tín hữu,...Cái **Tôi khách thể** là cái **Tôi của Cộng nghiệp** trong lúc cái **Tôi chủ thể**, qua cái Tôi cá nhân, là **cái Tôi biệt nghiệp** (xem Phần I, chương Sáng Tạo).

Sống trong xã hội, mỗi người phải ‘hy sinh’ hay phải nhượng bớt một phần tự do của mình để xã hội được trật tự, hài hòa, tuy nhiên luôn đòi hỏi xã hội phải tôn trọng cùng cung ứng mọi điều kiện để các quyền Tự nhiên phục vụ cho cái Tôi chủ thể được tôn trọng và phát huy. Trong lúc đó, xã hội xem mỗi người là một cá nhân, một bộ phận, một phần tử, một thành viên nên đòi hỏi mỗi người phải có bốn phận và trách nhiệm đóng góp công sức để xã hội duy trì được trật tự và phát triển. Cuộc tranh chấp giữa ‘cá nhân’ và xã hội, giữa hai cái Tôi Chủ Thể và Khách Thể thường xuyên xảy ra. Nhắc lại lời thơ Nguyễn Du : *‘Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau’*. Để tránh cuộc tranh chấp đó khỏi làm tổn thương cái Tôi chủ thể cùng duy trì và phát triển cuộc sống chung giữa nhau và cho nhau, **pháp luật** được đặt ra cùng với các **qui điều Luân lý, Đạo đức** hầu bảo đảm sự **Bình Đẳng** giữa hai thứ quyền Tự nhiên và Xã hội giữa người và người. Từ đó, **Tự Do và Bình Đẳng trở thành hai nguyên lý, hai điều kiện thiết yếu cho tổ chức nhân sinh**. Điều I trong bản *‘Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền’* đã xác định : *“Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về*

*nhân phẩm cũng như quyền lợi. Mọi người đều được phú bẩm về lý trí và lương tâm. Những hành vi giao dịch giữa người này và người khác phải được đặt trên tinh thần huynh đệ".* Sự việc Bình Đẳng không chỉ mới có ngày nay mà đã từ xa xưa, qua những lời : ***'Vạn hữu bản lai đồng, Vạn vật đồng nhất thể'***; Phật giáo từng chủ trương ***'mọi chúng sinh đều đồng đẳng, Bình đẳng tánh trí, Tâm bất nhị'***. M. Heidegger, trong thiên khảo luận 'Sérénité' cũng viết : ***'égalité d'âme devant les choses'***. ***Do Bình Đẳng mà các quyền xã hội có tính cách hợp pháp*** (légalité tức hợp với pháp luật). (Không mấy biết về Luật học, người viết xin diễn giảng chung chung theo cái biết hạn hẹp của mình).

Câu hỏi nêu ra : ***Tại sao con người lại có quyền ?'*** Trước tiên, có thể nói 'những quyền tự nhiên' nói trên là do con người tự gán cho mình vì thấy chủng loại người có những đặc điểm và những khả năng mà các chủng loại sinh vật khác không có. Tuy nhiên, quyền con người hầu như được phú bẩm ngay từ lúc con người được sinh ra nếu tin vào lời Thánh Kinh (Cựu Ước). Sách Sáng Thế viết rằng : ***« Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta, đặt quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật, loài côn trùng bò trên mặt đất và khắp cả đất »*** (STK 1-26). Như thế, nhân quyền hay quyền của con người là do Thượng Đế (hay Đạo Thể) ban cấp nên phải được tôn trọng, không thể loại bỏ bất kỳ với lý do nào. Nhưng, vì cuộc tranh đấu mưu sinh và cạnh tranh xã hội, cùng sự gia tăng nhân số, sự tăng tốc của kỹ thuật, những quyền chính đáng, hợp pháp của con người luôn luôn bị hạn chế, bị vi phạm để phục vụ cho nhu cầu sống thường nhật, nhất là do chạy đuổi ví bất lợi nhuận,

tiền nông hầu thỏa mãn mọi sở thích hưởng lạc. *Những kẻ hay thành phần nắm được quyền bính, thường chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình, của phe nhóm, đảng phái, giai cấp, quốc gia mình nên luôn dùng quyền lực, quyền uy, quyền hành tóm thu mọi quyền về mình, tước đoạt mọi 'quyền người' của nhân dân.* Chế độ nô lệ, độc tài, phát xít, thực dân, cộng sản cùng tham vọng xâm lăng, bành trướng, kỳ thị sắc tộc, kể cả tính cuồng tín tôn giáo, ...đã khiến 'quyền người' bị bóp nghẹt, bị hạn chế, bị loại trừ. Một khi những quyền tự nhiên bị bóp chết thì những quyền xã hội cũng không còn được tôn trọng. Những chế độ tư sản, tư bản luôn đề cao nhân quyền nhưng rồi cũng vì quyền lợi phe nhóm, đảng phái, quốc gia, dân tộc, cũng tìm mọi cách hạn chế nhân quyền nhân danh quyền lợi chung hay nhân danh cộng tác, phát triển hoặc nhân danh văn minh, tiến bộ. Thêm nữa, con người thường đòi hỏi quyền lợi cá nhân quá đáng, buộc xã hội phải thỏa mãn nên quyền cá nhân và quyền xã hội luôn tranh chấp, đôi khi gây cản đưa đến tình trạng bùng phá, chấp tranh, nổi loạn giữa các tầng lớp dân chúng. Không kể bao nhiêu kẻ xấu thường lạm dụng những quyền được xã hội công nhận như quyền ngôn luận, quyền lập hội, quyền tư hữu,...để mưu lợi riêng, làm hại kẻ khác, khiến xã hội bất an.

Trong những chế độ độc tài, đặc biệt là chế độ Cộng sản, quyền của con người không được công nhận. Kẻ cầm quyền hay tập đoàn nắm giữ quyền bính thu tóm hết mọi quyền người để áp đặt lên mọi kẻ khác quyền lực của họ. Người dân hay nhân dân nói chung, bị xem như nô lệ, như trâu bò chỉ biết phục tùng mệnh lệnh, quyền uy của lớp người cầm quyền chứ không được hưởng một quyền

nào cả nếu không tuân phục mệnh lệnh của họ. Ngay cả những quyền tự nhiên 'đi lại, cư trú, ăn uống, nghỉ ngơi' cũng bị tước đoạt hay hạn chế. Chủ trương '*hộ khẩu*' nhằm '*quản lý dạ dày*' của người dân trong chế độ Cộng sản là một biện pháp vô cùng độc ác buộc người dân luôn luôn phải tuân phục mệnh lệnh của nhóm cầm quyền nếu muốn giữ được sinh mạng mình. Mọi thứ trong quốc gia :đất đai, tài nguyên, ruộng vườn, nhà cửa, gia sản của cha ông để lại, tiền tài, của cải, công sức, cả tính mạng con người, tất cả đều là sở hữu của kẻ cầm quyền. Một số người đã gọi chế độ Cộng sản là **chế độ 'xin, cho'**. Người dân chỉ được 'xin' còn 'cho hay không' là quyền của Đảng và Nhà nước. Mà dù có được 'cho' thì cũng có thể bị 'lấy lại', bị 'cướp đoạt' bất cứ lúc nào khi Đảng và Nhà nước thấy cần thiết cho quyền lợi của họ hoặc khi người dân có thái độ nào đó mà Đảng và Nhà nước không vừa ý. Ngay cả '*quyền yêu nước*' cũng bị xem là tội lỗi. Chỉ riêng xem tình trạng hàng ngàn, hàng vạn 'dân oan' bị cướp đất, cướp nhà, bị xua đuổi, trấn áp, theo dõi, bỏ tù, bị giết hại vô tội vạ,...cùng bao người biểu tình chống Cộng sản Tàu xâm lăng các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, bị bắt, bị bỏ tù, bị khủng bố bằng mọi cách ở Việt Nam dưới chế độ 'Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa' hiện nay, đủ thấy rõ.

Trong những chế độ '*Dân chủ Tự do*' (démocratie libérale), quyền người được tôn trọng, được xem là căn bản tổ chức xã hội. Nhưng trên thực tế, các quyền đó thường phải bị hạn chế, chưa đáp ứng được mọi yêu cầu của con người, của dân chúng. Không hẳn do tầng lớp cầm quyền độc tài mà do nhiều lý do ngoại tại, có thể kể ra hai sự kiện căn bản : a) **Sự gia tăng nhân số trên thế**

giới đưa đến 'hiện tượng đông đầy' (phénomène du plein) ; b) Sự phát triển tăng tốc của Khoa học kỹ thuật làm nảy sinh vô số nhu cầu. Hai sự kiện trên đưa đến tình trạng Xã Hội Hóa thiếu Xã Hội Tính, Xã Hội Hợp Lý Hóa và nền Văn Hóa Đại Chúng cùng Con người Đoàn Lũ (homme de masse). Những điều này đã được phân tích ít nhiều nơi Chương chủ đề 'Nghịệp' (xin xem 'Nhân Loại Mới', tập I, phần 'Những Bệnh Thái Xã Hội hiện nay'),

Qua những phân tích đó, người viết đã nhận định Xã hội Tây Phương hiện nay *'Trật tự mà bất an, tự do mà ràng buộc, sung mãn mà nghèo nàn'* khiến con người luôn thấy ngơ ngẩn, bàng hoàng trong tình trạng *'áp bức không nguyên nhân, khổ đau không chứng cứ, tội lỗi khó tìm ra thủ phạm'*. Vì những điều kiện khách quan trên nên luôn luôn xảy ra tranh chấp giữa một bên là *'quyền lợi riêng'* nhân danh cá nhân và một bên là *'quyền lợi chung'* nhân danh tập thể, nhân danh quốc gia. Hầu như không một quốc gia Tây phương nào không lúng túng trước những *nạn thất nghiệp* (không có công ăn việc làm, không có nơi làm việc để có lợi tức), *nạn nhà ở*, *nạn người già* (hưu trí, lão niên), *nạn di dân*, *nạn đô thị hóa*, *nạn chênh lệch giàu nghèo* (tuy không quá trầm trọng như nơi những quốc gia độc tài hay Cộng sản), *nạn phạm pháp của tuổi trẻ*, *nạn lạm dụng và buôn bán giới tính....*; thêm vào đó, bao nhiêu nghĩa vụ quốc tế phải chu toàn, bao nhiêu chi phí lớn lao để duy trì và phát triển sự cường thịnh của quốc gia trước những cạnh tranh quốc tế càng lúc càng gay gắt. Cũng phải kể đến những tai nạn thiên nhiên càng lúc càng thêm nhiều trên thế giới, ngay tại các nước văn minh tiên tiến : bão lũ, lũ lụt, động đất, núi lửa, hạn hán, cháy rừng,...cùng ô nhiễm



môi trường, nạn cạn kiệt dần tài nguyên, nhiên liệu,... Tất cả những sự kiện trên khiến xã hội Tây phương luôn luôn lâm vào tình trạng 'khủng hoảng' thường xuyên mà người viết không đủ khả năng và trình độ phân tích rõ ràng.

Nhìn chung, xã hội Tây phương rất nhiều tiến bộ, văn minh, luôn tôn trọng quyền người nhưng hầu như nặng về '*Văn minh của cặp mắt*' hơn là '*Văn minh của trái tim tình*'. Vì hầu như thói xấu, người xấu càng lúc càng nhiều thêm, càng gia tăng với kích thước lớn rộng theo đà gia tăng của khoa học kỹ thuật : nạn sản xuất, buôn lậu ma túy, nạn buôn bán phụ nữ, trẻ con, nạn đồng tính luyến ái, nhu cầu phát triển vũ khí, nạn sản xuất giả mạo, nạn chế tạo sản vật và thực phẩm có chất độc, chế tạo vũ khí sinh học,.. Một số kẻ xấu có trình độ khoa học cao như bao kẻ chế ra virus phá hỏng máy Điện toán, dùng Internet, dùng bao nickname khác nhau để phá hoại nhau, thỏa mãn những ý nghĩ đen tối. Bao nhiêu chế tác tinh vi như 'hệ thống định vị toàn cầu' (GPS), Những cách mua DNA của ke khác, những máy móc TiiKToK,... là những cách thức giết người, nô lệ hóa con người từ xa , ..Từ đó, mọi thứ nhân quyền, nhân bản càng lúc càng mất giá, càng **phải (!) không được tôn trọng**. Sự tranh chấp giữa một bên là '*Quyền Người*' (droits de l'homme) , một bên là '*quyền Lợi Tức*'(droit du profit) thường xảy ra.

#### e.- Quyền làm việc và sự cáo chung của lao động :

Người viết nghĩ rằng, ngoài quyền '*an toàn sinh mạng*', cái quyền thiết thực nhất, gấp rút nhất trong xã hội ngày nay là '*Quyền làm việc*', không hẳn là phải có một nghề chuyên môn mà là '*có nơi làm, có chỗ làm*' vì có như thế mới '*có lợi tức*' để trang trải mọi chi phí của cuộc sống.

Không có lợi tức, nói hẵn là *'không có tiền'* thì không có điều kiện để hưởng những thứ quyền khác như quyền cư trú (có nhà ở), quyền đi lại (phương tiện di chuyển), ...và những quyền khác về mặt văn hóa như quyền được học hành, được giải trí,...Xã hội hợp lý hóa luôn coi trọng quyền này và đã có nhiều biện pháp dự phòng nhưng trên thực tế, do những lý do nêu trên nên khó thể tạo được công ăn việc làm cho toàn thể nhân dân trong nước. Những thành tựu Khoa học kỹ thuật có tạo được công việc làm mới, cùng bao dịch vụ (như buôn bán, làm việc qua internet) nhưng cũng chỉ một số nào đó thôi. Tình trạng thất nghiệp mỗi ngày một gia tăng, phần lớn dân chúng vẫn quay quắt trong nghèo khó. Phụ cấp của xã hội không đủ cho người dân trước các chi phí càng lúc càng nhiều : chi phí về nhà ở, về điện nước, về giá sinh hoạt, về học hành của con cái, những tiện nghi kỹ thuật để theo kịp đà văn minh, . Xã hội Tây phương luôn lúng túng trong tình trạng này. Sự trù phú nơi các xã hội này hầu như chỉ dành cho lớp người giàu có, còn đại đa số quần chúng vẫn lẫn lẩn trong nghèo túng tuy không đến nỗi quá quay quắt như nơi các quốc gia độc tài hoặc chưa mấy phát triển. Làm sao giải quyết ? Nạn nhân mãn, nạn lão hóa cùng sự tăng tốc của kỹ thuật càng lúc càng khiến không gian, thời gian bên ngoài co rút bắt buộc không gian thời gian bên trong con người cũng co rút theo nhưng không thể nào tương ứng với không gian, thời gian bên ngoài khiến cuộc sống luôn luôn bất loạn vì không thể có đủ điều kiện -nói rõ hơn là không đủ lợi tức - để bắt kịp trào lưu văn minh, bắt kịp đòi hỏi của thời trang.

Nhưng một số người đã nói đến ***sự cáo chung của lao động'*** như J r my Rifkin qua tác phẩm *The End of*

*Work : The Decline of the Global Force and the Dawn of the Post Market Era* (New York 1995) ‘Sự cáo chung của Lao động : Sự suy thoái của hiệu năng toàn cầu và bình minh của thời Hậu thị trường)’ (13). Lao động cáo chung vì tất cả mọi việc làm, mọi dịch vụ đều do những người máy và những máy móc điện toán cùng Internet đảm trách cả chứ không còn cần đến sức người, không còn điều mà K.Marx gọi là ‘lực lượng lao động’, ‘lực lượng sản xuất’ (xin xem Phần III, Chương I).

#### **f- Vấn đề Nhân mãn.**

Để ngăn ngừa sự ‘bùng nổ nhân số’, đã có nhiều biện pháp như : hạn chế sinh đẻ (mỗi gia đình chỉ sinh một con như ở Trung Cộng), ngừa thai, phá thai, cho phép ‘hôn nhân đồng tính’(cũng là cách ngăn ngừa sinh đẻ) ; những biện pháp này gặp chống đối của Giáo Hội Công giáo nhân danh quyền người, quyền của Tạo Hóa nhưng Giáo Hội không đưa ra biện pháp nào hữu hiệu. Trong lúc đó, lại chế tạo những thuốc men và cách thức kích thích ham muốn nhục dục, cùng kinh doanh trên thân xác phụ nữ, những thứ thuốc cùng cách thức gia tăng tuổi thọ. Quả là nghịch lý. Biện pháp hay nhất là trông vào sự gia tăng liên tiếp của tai nạn thiên nhiên cùng gây chiến tranh, một thế chiến thứ ba vô cùng khủng khiếp có thể tiêu hủy hàng tỷ người vì bom đạn đủ loại tối tân, vì bệnh tật, vì những hóa chất do vũ khí hạch nhân hay vũ khí sinh học (armes biologiques) gây ra cho các thế hệ về sau. Nhưng nhân loại không thể gây nên thế chiến vì lo sợ chính dân chúng nước mình cũng bị tiêu diệt theo. Điều này đã được nói là thế ‘*quân bình trong hãi sợ*’ (équilibre de la terreur) do đó xảy ra cuộc chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, không có chiến tranh thế giới thì có chiến tranh địa

phương, cục bộ, có như thế mới có thể phát triển và bán buôn vũ khí, điều này hầu như bao nhiêu quốc gia chủ trương như Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc, Do Thái, Iran, Bắc Triều Tiên cùng bao quốc gia khác. Không chiến tranh, lợi tức quốc gia họ sẽ giảm sút và người dân cũng sẽ không có công việc làm, không có lợi tức để sống văn minh (!). Cũng do chiến tranh cùng nhu cầu hay sở thích vui chơi, giải trí (le jeu) mà kỹ thuật phát triển như phát minh những vũ khí mới, những trò vui chơi lạ kỳ. Ngày nay, có thể nói **chính chiến tranh (la guerre) và trò chơi (le Jeu) là hai động cơ khiến Khoa học, Kỹ thuật phát triển nhanh nhất.**

Ai cũng mong muốn hòa bình, hô hào hòa bình, thế mà lại chủ trương chiến tranh, xem chiến tranh là điều kiện cần cho sự phồn thịnh của cá nhân, của quốc gia, dân tộc mình. Khẩu hiệu *'muốn hòa bình hãy chuẩn bị chiến tranh'* đã trở thành một thiết yếu. Quả là nghịch lý ! Làm sao giải quyết nghịch lý đó ? Chung quy do từ cạnh tranh *'Tư hữu Chiếm hữu'* quá độ mà phát sinh. Muốn có hòa bình, muốn không gây ra chiến tranh thì phải diệt trừ cạnh tranh *'Tư hữu, Chiếm hữu'*, nhưng như thế thì lại ngăn chặn cái Biết Làm, cái Sống Tri Thức và cuộc sống, cuộc đời không thể tiến bộ, văn minh. Vấn đề nhân sinh rắc rối, phức tạp, nhiều khê như thế đó, chao ôi ! Đức Thích Ca bảo ta phải diệt trừ *'tham ái'* tức từ bỏ lòng dục *'tư hữu, chiếm hữu'*, cốt giữ cái Tâm hoàn toàn rỗng không tĩnh lặng nhưng còn trong vòng hiện tượng, làm sao có thể thực hiện được ? Lời Phật có thể ứng dụng cho một đôi cá thể siêu đẳng chứ cả nhân loại không thể nào thực hiện. Chúa Jésus cũng lúng túng khi bảo ta phải hạn chế tư hữu, chỉ cần *'hàng ngày đủ dùng'* nhưng lại bảo ta phải luôn luôn phát triển mọi thứ qua dụ ngôn

'đồng ta-lãng'. Hoặc theo Epicure khuyên ta '*chỉ nên ham thích những gì tự nhiên và cần thiết* (ăn, ở, mặc,...), *hạn chế ham thích những gì tự nhiên nhưng không cần thiết* (ăn ngon, mặc đẹp, ở sang,...) và *loại bỏ hẳn những gì không tự nhiên và không cần thiết*' (giàu sang, danh vọng, chức tước, quyền uy, tiếng tăm,...). Lời khuyên quá đúng, quá đẹp nhưng tiếc thay, trong vòng hiện tượng, hai cái 'sống thân xác và tri thức' luôn luôn phải đi theo cái tiến trình '*thiết yếu, nhu cầu, sở thích*' không ngừng nghỉ, có thế mới có tiến bộ, văn minh để rút ngắn dần tiến trình Tiến hóa của nhân sinh.

Mãi đến nay, nạn nhân mãi hầu như chưa có cách giải quyết nào thỏa đáng. Có người như tỷ phú Bill Gates đã chế ra thứ vaccine mang tính triệt sản, được ông áp dụng tại một số nước châu Phi nay bị lên án vì tính cách vô nhân đạo. Nạn nhân mãi sẽ được giải quyết khi con người từ bỏ được trạng thái 'con người động vật tính' chuyển sang kỷ nguyên 'con người nhân tính' được nói nơi phần III Chương nói về 'con người nhân tính'.

g- Chủ trương Toàn Cầu hóa' (globalisation, mondialisation) được nói đến lâu nay liệu có giải quyết được cái nghịch lý kia chẳng? Người viết chưa được đọc, cũng chưa có ý kiến nào rõ rệt về chủ trương này. Thế nào là '*Toàn Cầu hóa*' và việc tổ chức '*Toàn Cầu hóa*' đó ra sao? Dĩ nhiên '*Toàn Cầu hóa*' không thể hiểu giản dị là được toàn cầu sử dụng, ứng dụng. Chẳng hạn tiếng Anh là ngôn ngữ được tất cả mọi người trên thế giới dùng trong mọi tiếp xúc, trao đổi, cả trong các văn kiện, các hiệp ước giữa các quốc gia nhưng không thể gọi là 'tiếng Anh đã được 'toàn cầu hóa'. Một thứ thuốc như Aspirine, péricilline,...được tất cả thế giới dùng nhưng

không thể bảo là hai thứ thuốc đó đã được 'toàn cầu hóa'. Những trường hợp này, theo người viết, có thể bảo là 'quốc tế hóa' (internationaliser), có nghĩa được phổ cập khắp cùng thế giới, đúng hơn là 'toàn cầu hóa'. Có lẽ hiểu 'Toàn cầu hóa' như trên nên hầu như cho rằng sự việc 'toàn cầu hóa' đã bắt đầu từ thế kỷ 15 do những cuộc thám hiểm của Marco Polo, của Ferdinand Magellan (năm 1492), của Christophe Colomb tìm ra Mỹ Châu với những thổ sản du nhập vào Âu Châu như cà chua, thuốc lá, cao su, cà phê, khoai tây,..mở màn cho sự trao đổi sản phẩm, hàng hóa khắp các châu lục.

Thực ra, sự việc 'toàn cầu hóa' được nói đến nhiều từ sau Đệ nhị thế chiến, cùng với sự phát triển thần tốc các điều kiện giao thông, tin học, truyền thông (mà internet giữ vai trò quan trọng) và nay mai với những nanotechnologies tạo ra những nanomachines, những nanoproduits, (14) rút ngắn không gian, thời gian khiến mọi tiếp xúc, giao lưu, trao đổi giữa các dân tộc, quốc gia về mọi mặt: sản phẩm, hàng hóa, du lịch, ngôn ngữ, văn hóa, ..trở thành nhu cầu thiết thực và cấp bách khiến cả thế giới dần dần trở thành một '*ngôi làng toàn cầu*' với một nền văn minh hành tinh (civilisation planétaire), một nền văn hóa toàn cầu cho chung nhân loại. Trong ý nghĩa đó, sự việc 'toàn cầu hóa' được xem là một '**chủ nghĩa toàn cầu**'.

Điều được nói trước tiên về sự việc 'toàn cầu hóa' là '*toàn cầu hóa kinh tế*', có nghĩa là '*sự mở rộng nền kinh tế từng quốc gia tiến đến một 'thị trường toàn cầu'*' (marché mondial) không còn bị buộc ràng bởi những yêu cầu về mặt chủ quyền quốc gia, bởi chủ trương bảo hộ mậu dịch, bởi hàng rào quan thuế,..mọi trao đổi sản phẩm, hàng hóa được tự do, đưa đến một liên hệ mật thiết giữa người và người để cùng phát triển giữa các

dân tộc, quốc gia trên toàn thế giới. Sự *'toàn cầu hóa kinh tế'* sẽ đưa đến *'toàn cầu hóa chính trị'* có nghĩa *'toàn cầu hóa nền dân chủ'*, không còn những thể chế nô lệ, độc tài, quốc gia cực đoan, từ đó, *'toàn cầu hóa văn minh, văn hóa'* có nghĩa toàn thể mọi dân tộc, quốc gia trên thế giới đến cùng một trạng thái văn minh, một trạng thái văn hóa chung nhất tiến bộ và tốt đẹp khiến cá thể và chủng loại được sống hoàn toàn trong tự do, sung mãn. Quả là tuyệt hảo ! Có thể do những điều trên nên nhà Kinh tế Chính trị học Hoa Kỳ Jeremy Rifkin đã viết tác phẩm được dịch sang Pháp ngữ là *'L'Âge de l'accès, La nouvelle culture du capitalisme'*, tạm dịch là *'Thời đại kết mạng'* với nền *'Kinh tế mạng'* (économie des réseaux) (15). Liệu sự kiện *'toàn cầu hóa'* như thế có nằm trong tình trạng *'biệt nghiệp tan hóa vào cộng nghiệp'* theo qui luật *'trương nở của lượng cô đọng vào phẩm'* và *'tế vi của cấu trúc giảm thiểu tính công kênh của khối lượng'* đã được nói trong chương *'Nghịệp'* của nhà Phật ?

Những người chủ trương *'toàn cầu hóa'* xem đây là một thứ *'chủ nghĩa toàn cầu'* tất yếu sẽ đến cho toàn thể nhân loại. *"Họ cho rằng giai đoạn đầu của toàn cầu hóa là hướng thị trường và được kết thúc bởi giai đoạn xây dựng các thiết chế chính trị toàn cầu đại diện cho toàn thể công dân thế giới...Thương mại tự do (do toàn cầu hóa kinh tế) sẽ cho các nhà sản xuất tại các nước một thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn dẫn đến lợi nhuận cao hơn. Đồng thời tạo ra sự cạnh tranh giữa các nguồn tư bản, từ đó đem lại lợi ích cho người lao động trên toàn thế giới, cũng như cạnh tranh giữa nguồn nhân công trên toàn thế giới sẽ mang lại lợi ích cho các nhà tư bản*

và trên hết cho người tiêu thụ...Sự xuất hiện của một phong trào toàn cầu là không thể chối cãi và do đó chúng ta có thể nói về một tiến trình thực sự hướng tới một xã hội nhân bản ở quy mô toàn cầu của tất cả các xã hội”(wikipedia, phần tiếng Việt : Toàn Cầu hóa). Giáo sư Manfred B. Steger, trong tác phẩm *'Globalisation'* trong phần kết luận cũng bảo : “...toàn cầu hóa sẽ đưa đến một nền dân chủ và bình đẳng chân chính cho trật tự toàn cầu”(16).

**Một số người chống lại sự việc 'toàn cầu hóa'.** Lý lẽ của những người *'chống toàn cầu hóa'*, theo Wikipedia, đại lược như sau :

- \* Nhiều tổ chức tham gia trong hệ thống 'toàn cầu hóa' đã không xét đến lợi ích cho các nước nghèo cũng như giới lao động,
- \* Thương mại tự do không giới hạn chỉ đem lại lợi ích cho những ai có tỷ lệ vốn lớn mà không hề quan tâm đến người nghèo,
- \* Toàn cầu hóa là việc thúc đẩy chương trình nghị sự của những người theo chủ nghĩa tập đoàn, một chương trình nhằm giới hạn các quyền tự do cá nhân dưới danh nghĩa lợi nhuận
- \* Toàn cầu hóa chỉ đơn thuần là hình thức đế quốc, là một trong những lý do căn bản dẫn đến chiến tranh Irak và là cơ hội kiếm tiền của Mỹ hơn là các nước đang phát triển,
- \* Toàn cầu hóa áp đặt một hình thức kinh tế dựa trên tín dụng, kết quả là dẫn tới các nợ nần và khủng hoảng nợ nần chồng chất không tránh khỏi.
- \* Sự 'toàn cầu hóa không kiểm soát (như trong các chủ nghĩa tân tự do và tư bản tự do tuyệt đối) do các chính



*phủ hay những tổ chức gần như chính phủ (như Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới) chỉ đạo và không chịu trách nhiệm đối với quần chúng mà họ lãnh đạo mà thay vào đó gần như chỉ đáp ứng lợi ích của các tập đoàn (wikipedia : Toàn Cầu hóa, phần Việt ngữ).*

Sự việc Toàn Cầu hóa, theo số người chống đối, thực ra chỉ là ***'chủ nghĩa toàn cầu tập đoàn'***(theo wikipedia), có nghĩa, theo người viết, là sự kết tập các doanh thương, kỹ nghệ gia, các tập đoàn tư bản trên toàn thế giới thành từng tuyến, từng mạng (réseau) đem sức mạnh kinh tế, thương mại áp đặt lên mọi bình diện hoạt sinh của nhân dân toàn thế giới thống thuộc vào họ, phục vụ lợi nhuận của các tập đoàn kinh tế này. Sự việc này đã xảy ra từ lâu như những Tập đoàn tư bản Marc Donald, Disneyland, những công ty về mỹ phẩm, về rượu nho,... nhưng những tập đoàn này không có tính cách khống chế, cưỡng bức, bắt buộc mọi người phải lệ thuộc vào họ như những tập đoàn Monsanto (độc quyền về các loại giống ngũ cốc), Google, Apple, Face book, Amazon, Hoa Vi, Tiktok, Wechad.. Những tập đoàn tư bản này hoàn toàn chạy theo lợi nhuận, nắm hết mọi uy quyền, tước bỏ mọi quyền tự do cá nhân, nhất là tự do ngôn luận. Với những kỹ thuật tinh vi (gài những chip điện tử) và lợi nhuận to tướng, những tập đoàn tư bản nói trên hầu như buộc mọi người lệ thuộc vào ý muốn của họ, sẵn sàng loại trừ mọi sáng kiến, mọi ý tình khác với họ, nắm hết mọi phương tiện truyền thông, chỉ phổ biến những gì thuận theo ý họ, xóa bỏ mọi tin tức, mọi sự vụ nào không lợi cho họ. Ta đã thấy Google, Youtube, Facebook, Twitter,... xóa bỏ hoặc không phổ biến những tin tức, sự vụ dù có thật nhưng có lợi cho Tổng Thống D.Trump, trong lúc đó lại bịa đặt những tin giả hoặc bóp méo sự

thật, chỉ phổ biến những gì phù hợp với quan điểm của họ, của Đảng Dân Chủ và của Trung cộng. Trong những năm cầm quyền tại Trung Quốc, Tập Cận Bình đã tận dụng các mô thức ‘tập đoàn tư bản toàn cầu’ này để phá sập nền chính trị, kinh tế nước Mỹ cùng khối Tự do, phục vụ cho mộng đồ thống trị thế giới của Hán tộc. Thực ra, sự áp đặt của chủ nghĩa tư bản phương Tây, qua chủ trương ‘toàn cầu hóa’ nói trên là do sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là Hoa Kỳ để thống trị thế giới. Hoa Kỳ, như chúng ta đã biết, hiện nay là siêu cường bậc nhất thế giới, là một ‘*quốc gia thế giới*’ (pays-monde) có đầy đủ mọi sức mạnh, trước tiên về Khoa học kỹ thuật, về quân sự (đủ mọi điều kiện khống chế cả mặt đất, cả vùng biển, vùng trời), về mãi lực của đồng đô-la, về nền kinh tế hầu như chi phối khắp thế giới, về khai thác tài nguyên dưới biển, trên không, thêm vào đó tiếng Mỹ (tức tiếng Anh) được dùng trong mọi giao dịch, tiếp xúc, trao đổi, nên việc ‘*toàn cầu hóa*’ bị xem như là chủ trương ‘*Mỹ hóa toàn cầu*’ mà Jérémy Rifkin, trong tác phẩm ‘L’âge de l’Accès’, gọi là ‘*Nền Văn Hóa mới của Chủ nghĩa Siêu Tư bản*’ (The New Culture of Hypercapitalism Where All of Life is a Paid-for Experience) (17). Liệu tất cả các dân tộc, quốc gia trên thế giới, nhất là khối Hồi giáo, phải ‘chấp nhận’ sự việc ‘*mỹ hóa*’ trên chăng? Ngay các quốc gia Âu Châu, liệu có phải từ bỏ lịch sử và truyền thống văn hóa trước nay để cũng phải ‘chấp nhận mỹ hóa’ như thế? Sự việc các quốc gia Âu Châu kết tập thành Khối với một Chính phủ chung Âu Châu, với một tiền tệ chung là đồng Euro, có là một hình thức tránh tình trạng Mỹ hóa khiến Hoa Kỳ khó chịu và tìm cách ngăn chặn? Và Trung Hoa Cộng sản từ gần thế kỷ nay, đã bành trướng và phát triển quốc gia họ trên tất cả mọi

mặt : khoa học kỹ thuật, chiến lược, chiến thuật quân sự, cho di dân Trung Hoa hàng loạt đến mọi quốc gia trên thế giới, đầu tư, mua đất đai, cơ sở doanh thương, kỹ nghệ tại nhiều nước (Phi châu, một số nước Hồi giáo, cả Âu Châu, Gia Nã Đại, Úc Châu, Hoa Kỳ), gài gián điệp vào hầu hết mọi cơ quan chính quyền cùng mọi tầng lớp dân chúng Hoa Kỳ, tung tiền hối lộ, mua chuộc hầu hết các dân biểu, nghị sĩ, các viên chức chính quyền cùng bao tầng lớp trí thức khác của Hoa Kỳ, ngay cả các Giáo sư, các Viện Đại học, vì tham nhũng, vì đồng tiền thối tha của Tàu cộng mà bán rẻ lương tri, quên đi đất nước, dân tộc để mặc nhiên trở thành tay sai của Tàu cộng, kể cả nhiều Đại Học nổi tiếng của Hoa Kỳ cũng không thoát khỏi sức cám dỗ của đồng tiền cũng đã bán 'sở hữu trí tuệ' của Hoa Kỳ cho Tàu cộng (kể ra 'dân trí' của tầng lớp trí thức Hoa Kỳ cũng không cao gì mấy). Các đời Tổng Thống Clinton, Obama, có lẽ 'say sưa' với chủ trương 'toàn cầu hóa' này, và ngây thơ nghĩ rằng hãy làm cho Tàu Cộng giàu lên, chúng sẽ từ bỏ chế độ Cộng sản để sẽ quay về với chế độ Tư bản tự do. đã tạo điều kiện cho Trung Cộng phát triển như xem Trung Cộng là thứ '*quốc gia đang phát triển*', cung ứng cho Tàu Cộng mọi điều kiện để dãi của một '*tối huệ quốc*' như bớt phần đóng góp của Tàu Cộng cho các nhu cầu chung của thế giới, cho Tàu Cộng vào WTO,... ; nhờ thế Tàu Cộng yên chí phát triển, trở thành một quốc gia hùng cường thứ hai trên thế giới sau Hoa Kỳ và đang nuôi mộng tiến lên đẩy lùi Hoa Kỳ để làm bá chủ thế giới. Trung Cộng đã chẳng chủ trương chiếm ngự cả vùng Biển Đông với bản đồ hình Lưỡi Bò, chủ trương dùng tiền hối lộ các nhà cầm quyền độc tài, tham nhũng nơi một số nước, dùng lối 'gài bẫy nợ' để buộc các nước đó phải nhượng đất, nhượng biển, nhượng tài nguyên, tóm lại

phải lệ thuộc, trở thành chư hầu cho Trung cộng đúng theo kế sách *'một vành đai, một con đường'* của Tập Cận Bình. Sự phát triển thần tốc, hồi hảm của Trung Cộng mà học giả Alain Minc gọi là *Capitalisme d'apocalypse* cho thấy Trung Cộng với tham vọng bá quyền thế giới, tiến đến một thứ *'Tư bản quốc gia độc quyền'* (capitalisme monopoliste d'État) (18) nhằm tiêu diệt chủ trương Mỹ hóa thế giới hầu trở thành một đế quốc, một *pays-monde* để thống trị toàn thế giới. Có thể nói chính Hoa Kỳ dưới hai thời Tổng Thống Bill Clinton và Barack Hussein Obama đã 'nuôi' Tầu Cộng, mặc Tầu Cộng bành trướng sức mạnh, xây dựng thành hàng cường quốc về mọi mặt để đến thời Tập Cận Bình, ngang nhiên thách thức thế giới, chủ trương *'một vành đai, một con đường'* để đến năm 2050, tất cả thế giới ở đâu cũng chỉ có *'made in China'* chứ không còn một *'made của xứ nào khác'*.

**Tổng Thống thứ 45 của Hoa Kỳ Donald Trump** đã sớm nhìn ra mộng đồ đen tối của Tầu cộng cùng sự suy thoái của Hoa Kỳ sau các thời kỳ Tổng Thống tiền nhiệm nên quyết liệt chống đối Trung cộng, không cho chúng có thể thực hiện mộng đồ bá chủ thế giới của chúng cùng lúc diệt trừ mọi loại trí thức nước Mỹ bị tha hóa bởi đồng tiền phi nhân của Tầu cộng để giữ Hoa Kỳ không bị rơi vào cái chủ trương 'toàn cầu hóa' nói trên cùng cái thứ 'chủ nghĩa xã hội' bịp bợm, ma mị, giả hình, cùng những chủ trương độc chiếm mọi điều kiện kỹ thuật tân tiến – những hihg-teck về công nghệ truyền thông, như những tập đoàn Google, Face book,...).

**Hầu như Donald Trump** phải mang cái sứ mạng tiêu diệt hết mọi thứ ý thức hệ, mọi thứ chủ nghĩa độc tài giáo phiệt, quân phiệt, đảng phiệt, tài phiệt ;...lâu nay trên thế giới. *Người viết nghĩ rằng Donald Trump không chỉ nhằm triệt tiêu thứ chủ*

*nghĩa Cộng sản, thứ chủ nghĩa xã hội mà sẽ còn đi xa hơn đến triết tiêu luôn cả thứ chủ nghĩa tư bản hiện nay ví Cộng sản và Tư bản là hai thứ chủ nghĩa, hai thứ ý thức hệ mị dân, giả hình nhất từ trước đến nay đã đưa Sự Sống con người vào đau khổ cùng cực.* Ronald Trump đã xuất hiện đúng lúc như một cần thiết của dòng Sử Mệnh Hoa Kỳ và thế giới, như một 'thiện tri thức' đủ cả ba đức tính 'Bi, Trí, Dũng' của nhà Phật để *'thiện hóa'* Sự Sống con người và nhân loại nói chung. Do đó, không một phút nào ông không phải đương đầu với bao búa rìu liên tiếp trút đổ vào, kể cả giới truyền thông thế giới xem ông là 'đối thủ' phải tận diệt. Tiếc rằng ông đơn độc, không mấy ai có cái Tâm thánh thiện cùng cái nhìn sâu rộng như ông.

Với những tiến triển dồn dập của kỹ thuật điện tử, truyền thông, Tin học, sự việc 'toàn cầu hóa' tất yếu sẽ đến nhưng mô thức tổ chức như thế nào, người viết chưa rõ, chưa đọc được nơi một sách báo nào. Người ta nói nhiều đến lợi ích của 'toàn cầu hóa' nhưng tổ chức 'toàn cầu hóa' ra sao, chưa thấy nói. Những người chống 'toàn cầu hóa' không thể ngăn cản tiến trình đó mà chỉ nhằm ngăn ngừa những tai hại do 'toàn cầu hóa' gây ra cho quyền người thôi, người viết nghĩ thế.

Vốn luôn băn khoăn về ý nghĩa và cứu cánh của sự sống, người viết nghĩ rằng *'toàn cầu hóa'* phải là nền nếp sinh hoạt của cộng đồng nhân loại thế nào cho cả ba mặt sống *'thân xác, tri thức và tâm linh'* của con người đều được phát triển để tạo nên một nhân loại trật tự, hòa bình, an lạc. Nếu chỉ thiên về mặt Kinh tế, Thương mại để từ đó mới có một nền văn hóa lành mạnh chung (liệu có thật chẳng?) thì, thiết nghĩ, sự việc 'toàn cầu hóa' hoàn

toàn do đụn đẩy của cơ năng và cuộc sống con người hoàn toàn bị chi phối bởi sức mạnh của kinh tế, thương mại, bởi 'đồng tiền, bởi giá cả bán buôn. Trong tác phẩm *'The Age of Access'* , nhà Kinh tế học Jeremy Rifkin đã viết :*"Trong nền kinh tế mạng, những của cải và dịch vụ trở thành thứ yếu, chỉ những liên hệ giữa người và người mới trở thành thứ hàng hóa quý giá nhất"*, đúng vậy, nhưng, khổ nỗi, cũng lời J. Rifkin :*"Cái đặc điểm lớn nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại là khả năng biến đổi tất cả mọi phương diện của cuộc sống thành những quan hệ buôn bán"*(19). Nếu quả như lời của J. Rifkin thì trong nền Kinh tế mạng, nền kinh tế toàn cầu hóa, phần sống cảm tính và tâm linh của con người trong mọi tương giao xã hội đều trở thành những quan hệ buôn bán ? Bị chi phối hoàn toàn bởi kỹ thuật, kinh tế và thương mại, liệu sự việc 'toàn cầu hóa' có đưa nhân loại phải sống trong một chế độ kỹ trị vô cùng chuyên chế, trong một trạng thái *'nô lệ ẩn tàng'* không thể thoát ra vì kỹ thuật vạn năng ? Hơn nữa, chúng ta biết, con người luôn luôn mấp mé bên bờ 'thiện, ác', những 'tham, sân si' nơi con người có thể nào do 'toàn cầu hóa' mà không còn hay sẽ biến đổi ra sao, theo những cách thế nào khác mà kỹ thuật không thể ngừa trước được ? Do tính cách duy lý, cơ năng, liệu kỹ thuật, qua sự việc 'toàn cầu hóa' kinh tế, thương mại, phát triển đến cùng độ, liệu có thể nào sẽ đưa nhân loại đến tình trạng *'người điên dẫn dắt người mù'* như lời W. Shakespeare (20). Trong tác phẩm *'La mondilisation de l'économie'*, nơi 'quyển ba' (livre 3) nói về 'sự khủng hoảng'(la crise) , phần 'Kết luận' (conclusion) nói về sự *'khốn cùng của Ý thức hệ'* (misère de l'idéologie), giáo sư Kinh tế học Jacques Adda đã có cái nhìn bi quan như sau : *"Hơn cả cái logique thoát xác*

*của một sự tích hợp không thể tránh được bởi sức mạnh của tiền bạc và của kỹ thuật học, sự cạnh tranh mang tính chiến lược hầu như lại trở thành ý đồ của một tiến trình toàn cầu hóa để hơn bao giờ hết (sự cạnh tranh đó) đe dọa bị thụt lùi lại trong một thứ tân chủ nghĩa con buôn được tổng quát hóa” (21).*

Không là nhà Kinh tế học, cũng chẳng biết gì về kinh tế, những ý kiến trên chỉ là những suy nghĩ riêng của người viết nói lên những e ngại, những nghi ngờ về nền kinh tế toàn cầu hóa. Người viết nghĩ rằng sự việc toàn cầu hóa hay ‘*chủ nghĩa toàn cầu*’ phải phát xuất từ một ‘*ý chí chung của toàn cầu*’, phải được sự ‘*đồng thuận*’ của tất cả mọi quốc gia và nhân dân trên thế giới, chứ không thể do áp đặt của thế lực của một quốc gia nào đó hoặc do cưỡng ép hoàn toàn của kỹ thuật, của kinh tế, thương mại. Điều này đã được Joseph E. Stiglitz, giải Nobel Kinh tế 2001, nơi phần Postface (lời bạt) tác phẩm ‘*Globalisation and its Discontents*’ (toàn cầu hóa và những bất ổn của nó) đã viết “..*Nhưng, trong cuộc toàn cầu hóa dân chủ, những quyết định đó phải được sự tham gia một cách đầy đủ và toàn diện của mọi dân tộc trên thế giới. Hệ thống quản trị toàn cầu không chính phủ toàn cầu chỉ có thể điều hành trên căn bản một thỏa thuận đa phương. Khốn thay, từ một năm nay, càng lúc người ta càng thấy chính phủ của một xứ sở giàu nhất và mạnh nhất trên thế giới đã hành động đơn phương. Để sự việc toàn cầu hóa ‘tiến triển’, điều đó phải được sửa đổi”*(22).

Người viết cũng nghĩ phải như thế và nghĩ đến cần thiết phải có một ‘*Tâm Linh thống hợp*’ (xin xem Phần III,

Chương 3) thì sự việc 'Toàn cầu hóa' mới tốt đẹp không riêng về mặt Kinh tế mà còn về các mặt khác.

### e) Nhân phẩm - Vấn đề Dân trí :

**Nhân phẩm** hay **phẩm giá con người** (la dignité humaine) , nói lên giá trị con người. Thông thường được gọi là **nhân cách, tư cách** của từng người trong cái nhìn của xã hội nơi môi trường đồng loại. Nhân phẩm, nhân cách hay tư cách của người nào đó thường được biểu lộ qua ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ, hành động của người đó đối với chính họ, đối với tha nhân và đối với cuộc đời (môi trường xã hội), nói theo lời Phật là những hành động 'thân, khẩu, ý' của từng người.

Để đánh giá nhân phẩm, nhân cách người nào, ta căn cứ trên những qui điều đạo đức, luân lý (phần nào căn cứ trên pháp luật). Đức Khổng đã nêu ra ba điều không nên làm (*tam bất năng : phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*) và ba điều không nên đẩy đến cùng cực (*tam bất tận : xử nhân bất tận tài, xử nhân bất tận lực, xử nhân bất tận tình*). Ngài cũng răn khuyên mọi người năm đức tính cần tôn trọng và thực hiện : **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín**. Lời của Ngài : '*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân*' cùng lời của Chúa Jésus : '*Ấy vậy, hễ điều chi mà các ngươi muốn người ta làm cho mình thì cũng hãy làm điều đó cho họ*' (Ma : 7,12), lời khuyên giản dị, dễ hiểu và thiết thực nhằm giúp ta biết sống có nhân cách, phẩm giá. Chỉ cần tuân giữ đúng những giới răn, giới cấm của Phật giáo, Ki-Tô giáo là chúng ta biết tôn trọng nhân cách của ta và của kẻ khác : *không trộm cướp, không tham lam, không tà dâm, không bội tín, không được giết người,...* ; dễ quá, ai làm chẳng được. Thế mà xã hội luôn luôn loạn ly, cuộc sống, cuộc đời luôn luôn đau



khổ ? Tại sao ? Tại vì cái 'tôi cá nhân', cái 'tự ngã sắc tướng', tại vì tham ái, tại vì *'của cải người ở đâu, lòng người cũng ở đó'*. Nói chung, tại lòng dục 'tư hữu, chiếm hữu' phát sinh từ 'Tội Tổ Tông', từ cạnh tranh xã hội đã khiến cho con người không giữ được nhân cách, phẩm giá của mình, làm nảy sinh bao cái xấu : ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ, tham lam,..Nhưng loại bỏ tư hữu, chiếm hữu, loại bỏ cạnh tranh xã hội, loại bỏ cuộc tranh đấu mưu sinh tức loại bỏ Tội Tổ Tông thì con người cùng xã hội không thể nào tiến bộ, văn minh. Thực ra, theo người viết, không phải cuộc tranh đấu mưu sinh, sự việc cạnh tranh xã hội làm ta mất nhân cách mà chính do biết tôn trọng nhân cách mà tiến bộ, văn minh đi đúng đường, có nghĩa không gây cho cuộc sống, cuộc đời truân chuyên, bi thảm mà khiến cuộc sống cuộc đời tốt đẹp thêm lên.

Vấn đề nhân quyền, nhân phẩm chỉ được đặt ra trong môi trường xã hội. Một Rô-Bin-Son sống đơn độc, lẻ loi nơi núi rừng, chỉ tiếp xúc với thiên nhiên nên vấn đề nhân phẩm, nhân quyền không được đặt ra. Vì sống trong môi trường đồng loại nên 'nhân quyền, nhân phẩm' trở thành cần thiết và là những tiêu chuẩn hướng dẫn cuộc sống, cuộc đời. Và cũng vì đó mà vấn đề Dân Trí được đặt ra.

**Dân Trí** thường được hiểu là trình độ tri thức của người dân. Hiểu như thế, người viết nghĩ là chưa hẳn đúng. Ta thường có thói quen đánh giá trình độ tri thức từng người cơ sở vào sự học vấn của người đó nơi trường ốc. Những ai đậu cao, có bằng cấp lớn , tốt nghiệp học vị nơi các trường Đại học như Tiến sĩ,Thạc sĩ, Bác sĩ, Kỹ sư, Luật sư hay Chuyên viên về mặt này mặt nọ rồi nắm giữ những chức vụ, địa vị lớn trong xã hội, ta cho rằng họ là những Trí thức cao cấp, những người tài ba, những người

**Giỏi** so với bao người khác không có trình độ học vấn, hiểu biết như họ. Tuy nhiên, cũng lắm người do tự mình suy tư, học hỏi, trải nghiệm trường đời cũng trở nên những người **Giỏi** mà không phải thông qua trường ốc. Nhưng tất cả những người **giỏi** đó nếu chỉ đem khả năng thông minh chuyên biệt của mình về một hay một số lãnh vực nào đó để chi lo phục vụ cuộc sống bản thân, gia đình hay phe nhóm nhỏ nào đó được sống giàu sang, vương giả dù có nắm giữ chức trọng, quyền cao trong guồng máy công quyền hay trong các hoạt động tự do (bác sĩ phòng mạch, luật sư, giáo sư Đại học tư, chuyên viên khoa học, kỹ nghệ, doanh thương,...) thì, theo người viết, chưa là người trí thức đúng nghĩa vì **chưa có Dân Trí**. **Dân Trí gồm Dân và Trí**. Dân là người Dân, rộng ra là nhân dân trong quốc gia. Trí là hiểu biết hoặc chuyên biệt theo từng lãnh vực hoặc hiểu biết toàn bộ mọi vấn đề (như hoàn cảnh lịch sử của thời đại, bối cảnh lịch sử của dân tộc, quốc gia mình). Người có dân trí cao là người có hiểu biết sâu rộng và đem hiểu biết đó phục vụ quyền lợi chung của toàn thể nhân dân sao cho quốc gia, xã hội có được đủ mọi quyền sinh sống phong phú, tốt đẹp, lương hảo, sao cho 'dân giàu nước mạnh'. **Người có dân trí cao phải là người giỏi và người tốt**. Người tốt là người biết nghĩ và lo cho tha nhân, cho nhân dân trong cả nước, chưa nói đến nhân loại. Có thể kể ra một số người như Nguyễn Thái Học, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu,..., họ là những trí thức đúng nghĩa, những người vừa giỏi vừa tốt, có tấm lòng nghĩa hiệp biết sống cho, sống vì mọi người. Họ là những người có dân trí cao cho dù họ không thành công trong lý tưởng của họ.

**Người có Dân trí cao phải là người vừa giỏi vừa tốt**, biết đem cái **Biết Làm** (le savoir faire) do học hỏi, do trí

thông minh phục vụ cho cái **Biết Sống** (le savoir être) tức cái **Biết sống chung cho nhau** (le savoir vivre ensemble), thế nào cho *'chữ Tài chữ mệnh đời dào cả hai'* (Nguyễn Du – Tài là tài năng, cuộc sống cá nhân ; Mệnh là cuộc sống chung trong môi trường đồng loại). Tiếc thay, hầu như nền giáo dục ngày nay chỉ chú trọng đào tạo nên người **Giỏi**, người **tài** mà không nhằm đào tạo nên người **Tốt**. Chỉ tài giỏi không thôi mà không là người tốt, người có đức độ, không có tính **Thiện** thì chỉ là phá hoại cuộc sống chung của quốc gia, của nhân loại. Chẳng khác gì, trong đôi truyện kiếm hiệp, một ma đầu đem võ công siêu tuyệt tiêu diệt hết mọi Võ lâm chính phái để tranh lấy tước hiệu 'minh chủ võ lâm'; thế giới ngày nay hầu cũng như thế. Bao nhiêu kẻ tài ba trác tuyệt đang nuôi mộng đồ bá chủ võ lâm nên hòa bình thế giới mãi mịt mờ hun hút đâu đâu.

Ngoài ra, theo người viết **Dân trí không chỉ là sự hiểu biết riêng rẽ của từng người mà còn là hiểu biết, nhận thức chung của toàn thể mọi người trong xã hội trước những vấn nạn của cuộc sống chung, nhất là lúc đất nước, xã hội lâm vào những hoàn cảnh ngặt nghèo. Chẳng hạn lúc bị xâm lăng, bị thống trị bởi ngoại bang, toàn dân cả nước gát bỏ mọi quyền lợi riêng tư, mọi chấp tranh phe phái, cùng đoàn kết chung dạ chung lòng đấu tranh loại bỏ ách thống trị, giành lại quyền sống cho toàn dân, cho dân tộc. Trước cảnh nghèo đói, khốn khổ của đất nước, với dân trí cao, mọi người gát bỏ hết mọi tích trữ của cải, từ bỏ mọi thú ăn chơi, hưởng lạc để đùm bọc, che chở nhau, đem cái **giỏi** của mình tìm cách canh tân xứ sở để cả nước thoát khổ, thoát nghèo.**

Nói đến Dân Trí, toàn thể người Việt chúng ta quốc nội và hải ngoại, trong đó có người viết, đều cùng đau lòng thấy Dân trí Việt Nam xuống thấp một cách thâm trầm !.

### Chú thích :

1- Từ 'Tinh thể' (essence) tiếng Pháp do tiếng La-Tinh *essentia* tức từ *être* dịch từ tiếng Hy Lạp *ousia* được hiểu là 'độc lập với cái ngẫu nhiên, tình cờ'(accident) để nói cái thường trực, miên viễn, riêng biệt của mỗi thứ, độc lập với những gì đến với nó, độc lập vì mọi hiện tượng phát sinh từ nó hoặc từ bên ngoài đến với nó.

2- **Định đề** (postulat) : một nguyên lý tiên thiên, được công nhận là đúng, không thể chứng minh. **Công lý** (axiome) : một chân lý hiển nhiên, phổ quát, không thể giải thích, chứng minh.

3- Người viết tạm dịch sang Việt ngữ như trên

4- Từ **vật chất** (matière) độc lập với phần **linh hồn** (âme) cũng là một khái niệm tiên thiên vì vật chất chỉ có nơi từng vật thể, còn 'vật chất chính nó',ta không thể thấy, biết được. Theo người viết, nên dùng từ **chất** (sunstance) hơn là vật chất (matière) theo định nghĩa trong Tự điển : matière : substance qui constitue les corps, qui est objet d'intuition dans l'espace et possède une masse mécanique – dict Le Petit Robert.

5- Cũng như Vật chất, **Năng lượng** (énergie) cũng không định nghĩa được vì '*Năng lượng không là thực thể tự nó, không có một năng lượng tập trung hay riêng lẻ.* Ricard Feynman, nhà Vật lý học nổi tiếng, Nobel thế kỷ XX bảo : *Cần hiểu rằng trong nền Vật lý hiện nay, chúng ta hoàn toàn không có một kiến giải nào về năng lượng.* [*Carl'énergie n'est pas une entité en soi,il n'exista pas d'énergie concentrée ou isolée..Écoutons Ricard Feynman,prix Nobel de Physique, l'un des grands physiciens du XXème siècle : 'Il est important de réaliser que dans la Physique d'aujourd'hui, nous n'avons aucune connaissance de ce qui est l'énergie'* – xem Claude Allègre : 'Un Peu De Science Pour Tout Le Monde', Lib. Arthème Fayard, Paris 2003, trang 158.

6- Francis Fukuyama : tác phẩm '*Our Posthuamn Future – Consequences of the Biotechnologies*', bản dịch tiếng Pháp '*La Fin de l'homme – Les conséquences de la revolution biotechnique*' của Denis-Armand Canal, éd. De la Table Ronde, Gall. 2002. Nhan đề

'Our Posthuman future' (tạm dịch : ' Hậu nhân loại ngày mai của chúng ta', có lẽ ám chỉ một 'nhân loại không còn tính người', một 'humanite déshumanisée' theo người viết nghĩ, có lẽ trong ý đó nên bản dịch tiếng Pháp chỉ dịch là 'La Fin de l'homme'.

7- "Dans ce monde, la maladie et le conflit social ont été abolis, il n'y a ni dépression ni détresse émotionnelle ; le sexe est une chose bonne et toujours disponible. Il existe même un service officiel pour assurer que le laps de temps entre l'apparition d'un désir et sa satisfaction soit réduit au minimum. Personne ne prend plus la religion au sérieux, nul ne se livre à l'introspection ou ne cultive de regrets inutiles. La famille biologique a été abolie, plus personne ne lit Shakespeare. Mais personne -excepté John qui devient 'le Sauvage', héros du livre- n'est en manque de tout cela, puisque tout le monde est heureux et en bonne santé" : Aldous Huxley, bản dịch tiếng Pháp (đã dẫn trên), trang 23. - Aldous Huxley, theo Tự Điển Hachette, là nhà văn Anh, khá bi quan, khuynh hướng duy tâm tôn giáo do cảm nhận từ các Đạo giáo phương Đông (có lẽ Phật và Lão) qua tác phẩm 'La Philosophie éternelle' : pessimiste, voire cynique, il évolua vers un idéalisme religieux inspiré des doctrines orientales. Tác phẩm : 'Contrepoint (roman 1928), Le Meilleur des Mondes' (roman 1932), 'La Philosophie éternelle' (essai 1946).

8- "Qu'y a-at-il de faux dans cette peinture ? La réponse donnée - au moins pour les devoirs bien notés- est le plus souvent du genre : les hommes du Meilleur des Mondes peuvent être heureux et en bonne santé mais ce ne sont plus des êtres humains. Ils ont cessé de lutter, d'aspirer, d'aimer, d'éprouver de la douleur, de faire des choix moraux difficiles -bref, de faire tout ce que l'on associe avec la notion d'être humain. Ils n'ont donc plus les caractéristiques qui nous investissent de la dignité humaine..Selon les mots de Léon Kass, spécialiste de bioéthique : 'À la différence de l'homme diminué par la maladie ou l'esclavage, les gens déshumanisés à la façon du Meilleur des Mondes ne sont pas misérables ; ils ne savent qu'ils sont déshumanisés -ce qui est bien pire- ils s'en moqueraient s'ils venaient à le savoir. Ce sont réellement des esclaves heureux d'un parfait bonheur servile" - La Fin de l'Homme, sđd, bản tiếng Pháp, trang 23, 24.

9- Ingénierie génétique hay Génie génétique là những kỹ thuật nhằm biến đổi những tính chất di truyền của một tế bào bằng cách thay đổi bộ gene do đưa vào phân tử A.D.N. từ một tế bào khác (Génie génétique ou ingénierie : ensemble des techniques visant à transformer les caractères héréditaires d'une cellule en modifiant son génome par l'introduction d'A.D.N. provenant d'une autre cellule – Dic. Hachette.

10- “Nous n'avons à accepter *aucun* de ces mondes futurs sous le faux étendard de la liberté, qu'il soit celui des droits de reproduction illimités ou celui de la recherche scientifiques sans entraves. Nous ne devons pas nous considérer nous-mêmes comme des esclaves obligés d'un progrès technologique inéluctable, si ce progrès n'est pas mis au service des finalités humaines. La liberté véritable signifie la liberté, dans les communautés politiques, de protéger les valeurs qui leur sont les plus chères ; et c'est cette liberté-là qu'il nous faut exercer à l'égard de la révolution biologique d'aujourd'hui” – La Fin de l'homme, bản dịch tiếng Pháp, trang cuối 379.

11- “Je suis d'aujourd'hui de jadis mais je sens en moi quelque chose de demain, de l'après-demain et de l'avenir” – F.Nietzche : ‘Ainsi parlait Zarathoustra’.

12- “Vous voyez, dans la vie, il n'y a pas de solutions. Il n'y a que des forces en marche. Il faut les créer et les solutions suivent”- St Exupéry : ‘Carnets’, trích dẫn bởi Bùi Giáng trong ‘Tư Tưởng hiện đại’, tập 1, nhà in Hợp Hưng-Sài Gòn.

13- bản dịch tiếng Pháp ‘*La Fin du Travail*’ của Pierre Jouve, éd. La Découverte, Paris 1997). Sách khá dày gồm 5 phần, mỗi phần có nhiều Chương và nhiều tiết (xin xem sơ lược nội dung được trình bày nơi Phần III, Chương I

14- : nano : do từ Hy Lạp ‘nano’ có nghĩa là ‘nain’ (lùn, nhỏ), chỉ một phần tỉ như nanoseconde (một phần tỉ giây), nanomètre (một phần tỉ mét) ; có thể nay mai mọi đơn vị đo lường về trọng lượng, dung tích, thời tiết,...có thể cũng sẽ được tính theo ‘một phần tỉ’ của đơn vị đo lường lâu nay.

15- Lược qua nội dung quyển sách, người viết tạm dịch là ‘*Thời đại kết mạng*’ và ‘*kinh tế mạng*’, (không rõ có đúng không, xin bạn đọc chỉ giáo).

16- *'globalisation will have ushered in a truly democratic and egalitarian global order'*- Manfred B. Steger (giáo sư chính trị học đại học Illinois state) : *'Globalisation, A Very Short Introduction'*, Oxford, University Press, New York, trang cuối 135, câu cuối cùng của trang này).

17- người viết không hiểu từ 'Paid-for' nghĩa thế nào nên không dịch đoạn *Where All of Life is a Paid-for Experience*. Bản dịch Pháp ngữ cũng chỉ dịch là *'La Nouvelle Culture du Capitalisme'*

18- xem 'Alain Minc : 'Ce monde qui vient', éd. Grasset, Paris 2004),

19- *'Dans la net économie, les biens et les services passent au second plan, ce sont les relations humaines qui deviennent la marchandise la plus précieuse'* (trang 129) – *'La caractéristique majeure du capitalisme moderne est sa capacité à transformer toutes sortes d'aspects de l'existence en rapports marchands'* (trang 128) – Jeremy Ripkin : *'The Age of Access'*, bản dịch pháp ngữ *'L'âge de l'accès'* của Marc Saint-Upéry, sđd).

20- *'C'est un malheur du temps que les fous guident les aveugles'*- Shakespeare trong vở kịch *'Le Roi Lear'*, trích dẫn bởi Jacques Adda (nhà kinh tế và nghiên cứu xã hội học, giáo sư kinh tế chính trị học quốc tế tại Đại học Bar-Ilan, (Do Thái) trong tác phẩm *'La mondialisation de l'économie – De la genèse à la crise'*, 8<sup>ème</sup> édition revue et corrigée, collection Grands Repères, éd. La Découverte, Paris 2012, page 316).

21- *'Plus que la logique désincarnée d'une intégration rendue inévitable par la puissance de l'argent et de la technologie, la rivalité stratégique semble être redevenue la trame d'un processus de mondialisation qui menace plus que jamais de régresser dans un néomercantalisme généralisé'* – Jacques Adda : *'La mondialisation économique'*, trang cuối 318, người viết tạm dịch như trên, chưa hẳn thông suốt).

22- *"Mais dans une mondialisation démocratique, ces décisions doivent être prises avec la participation pleine et entière de tous les peuples du monde. Notre système de gouvernance mondiale sans gouvernement mondial ne peut fonctionner que sur la base du multilarisme. Malheureusement, depuis un an, on voit de plus en plus le gouvernement du pays le plus riche et le plus puissant du monde agir unilatéralement. Pour que la mondialisation 'marche', cela aussi doit changer"* – Joseph E. Stiglitz :

*'Globalisation and its discontents'*, w.w.Norton 2002, - bản dịch tiếng pháp *'La Grande Désillusion'* (sự tỉnh thức lớn) của Paul Chemla, Lib.Arthème Fayard, Paris 2002, trang cuối 407).